



PVOIL
Đường xa thêm gần

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CTCP
NĂM 2019

Tp. HCM, tháng 04 năm 2020

NỘI DUNG

PHẦN I _THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL	4
1. Thông tin tổng quát	4
2. Quá trình hình thành và phát triển	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
4. Mô hình quản trị công ty	7
5. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.....	7
6. Định hướng phát triển	8
6.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh	9
6.2. Tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp	9
6.3. Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực	9
7. Các rủi ro	9
PHẦN 2 _TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019.....	11
1. Bối cảnh chung	11
2. Kết quả sản xuất kinh doanh	12
2.1. Các chỉ tiêu sản lượng	12
2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	13
3. Tổ chức và nhân sự	15
3.1. Ban điều hành Tổng công ty.....	15
3.2. Những thay đổi trong Ban điều hành.....	18
3.3. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động	18
4. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	20
5. Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp.....	21
6. Tình hình tài chính.....	21
7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	22
PHẦN III _BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	23
1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty	23
2. Những tiến bộ đạt được trong năm	25
2.1. Phát triển các hình thức kinh doanh mới, ứng dụng công nghệ 4.0 để đa dạng hóa hình thức thanh toán	25
2.2. Nâng tầm thương hiệu PVOIL	27
3. Tình hình tài chính.....	27
3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn	27
3.2. Tình hình Nợ phải trả	28
4. Kế hoạch SXKD năm 2020.....	29
4.1. Dự báo tình hình	29
4.2. Nhiệm vụ trọng tâm	29
4.3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu.....	30
4.4. Các giải pháp SXKD ứng phó với dịch bệnh Covid-19 và giá dầu suy giảm.....	32
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	32

PHẦN IV_ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	34
1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Tổng công ty	34
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	34
3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2020	35
PHẦN V_BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	36
1. Thông điệp phát triển bền vững	38
2. Nguyên tắc hoạt động của PVOIL đối với các bên liên quan	39
3. Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường (ATSKMT)	40
3.1. Duy trì hiệu quả Hệ thống ATSKMT	40
3.2. Công tác An toàn - An ninh, PCCC, ứng cứu tình huống khẩn cấp	41
3.3. Chăm sóc sức khỏe người lao động	42
3.4. Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải.....	42
3.5. Xây dựng văn hóa ATSKMT	43
3.6. Các chỉ số an toàn sức khỏe và nghề nghiệp.....	43
3.7. Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT 2020.....	44
4. Báo cáo tình hình sử dụng năng lượng và nước.....	44
5. Tuân thủ về môi trường.....	44
6. Báo cáo các vấn đề về xã hội.....	45
6.1. Việc làm	45
6.2. Trách nhiệm sản phẩm, dịch vụ.....	45
6.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng	47
PHẦN VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2019	48
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	49
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	51
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	54
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	58
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	59
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT.....	61

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL

1. Thông tin tổng quát

- 🔥 Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
- 🔥 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305795054
- 🔥 Vốn điều lệ: 10.342.295.000.000 đồng
- 🔥 Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 10.342.295.000.000 đồng
- 🔥 Địa chỉ: Tầng 14-18, Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- 🔥 Số điện thoại: (84-28)3910 6990
- 🔥 Số fax: (84-28) 3910 6980
- 🔥 Website: www.pvoil.com.vn
- 🔥 Mã cổ phiếu: OIL, giao dịch trên Upcom từ ngày 07/3/2018

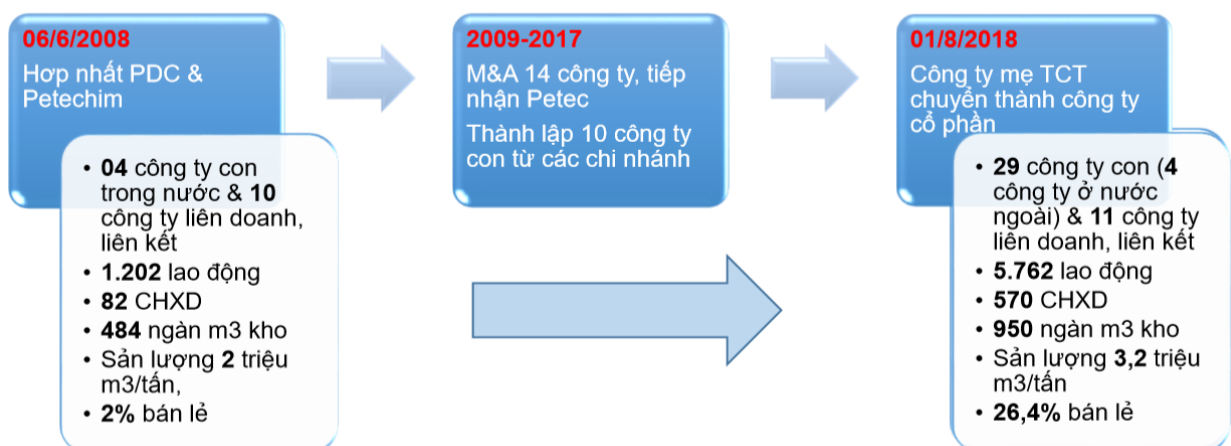
2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) là đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06/06/2008 của Tập đoàn trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim - thành lập tháng 04/1994) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm dầu (PDC - thành lập tháng 04/1996).

PVOIL là đơn vị duy nhất của Tập đoàn tham gia phát triển hoàn chỉnh khâu hạ nguồn của ngành Dầu khí trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, kinh doanh dầu thô và chế biến, tồn trữ, phân phối các sản phẩm dầu.

Trong gần 12 năm hoạt động dưới thương hiệu PVOIL, Tổng Công ty đã liên tục phát triển mở rộng hệ thống mạng lưới kinh doanh xăng dầu (KD XD) trong và ngoài nước thông qua mua bán sáp nhập doanh nghiệp. PVOIL cũng đã không ngừng tái cấu trúc, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo định hướng tối ưu bộ máy, tập trung vào các hoạt động cốt lõi nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động.

Những dấu mốc lịch sử trong quá trình hình thành và phát triển PVOIL như sau:



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính



Lĩnh vực ủy thác xuất/ bán dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế

PVOIL là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tổ chức tiếp thị và thực hiện dịch vụ ủy thác xuất/ bán dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác tại các mỏ nước ngoài. Với bề dày hơn 35 năm kinh nghiệm thực hiện dịch vụ, PVOIL đã trực tiếp xuất bán an toàn và hiệu quả gần 360 triệu tấn dầu thô các loại khai thác từ 16 mỏ dầu trong và ngoài nước.

PVOIL cũng đảm nhiệm việc cung cấp dầu thô nguyên liệu cho Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (Nhà máy lọc dầu Dung Quất) với sản lượng bình quân 7 triệu tấn/năm từ nguồn trong nước và/ hoặc nhập khẩu (khi Nhà máy có nhu cầu).

Lĩnh vực sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn, nhiên liệu sinh học

Sản xuất xăng dầu: PVOIL thực hiện sản xuất, pha chế xăng dầu sản lượng 600.000 m³ từ nguồn condensate khai thác trong nước của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Toàn bộ lượng xăng sản xuất tiếp tục được đưa vào pha chế xăng sinh học E5 RON 92.

Sản xuất Nhiên liệu sinh học (NLSH): Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc phát triển nguồn NLSH, PVOIL đã góp vốn đầu tư xây dựng 3 nhà máy sản xuất NLSH (ethanol – E100) tại Bình Phước, Quảng Ngãi và Phú Thọ, với công suất mỗi nhà máy 100.000 m³ E100/năm. Hai nhà máy NLSH Bình Phước và NLSH Quảng Ngãi hiện đã hoàn tất đã sẵn sàng sản xuất khi thị trường thuận lợi theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền. Riêng nhà máy NLSH Phú Thọ chưa hoàn tất xây dựng và đã tạm dừng do gặp khó khăn trong huy động vốn. PVOIL hiện đang thực hiện tái cấu trúc các nhà máy theo Đề án 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2017 và Kế hoạch hành động số 4269/QĐ-BCĐADNCT ngày 14/11/2017 của Chính phủ.

PVOIL có hệ thống pha chế xăng E5 trên cả nước với tổng công suất đạt trên 1,5 triệu m³ E5/năm. PVOIL hiện cung ứng ra thị trường gần 600.000 m³ xăng E5 thương phẩm/năm.

Sản xuất dầu mỡ nhờn: PVOIL LUBE, công ty con của PVOIL, với giá trị thương hiệu kế thừa từ VIDAMO - một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam sản xuất và kinh doanh dầu mỡ nhờn. Sản phẩm của PVOIL LUBE với hơn 140 loại dầu mỡ bôi trơn được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chất lượng cao, chủ yếu cung cấp cho các khách hàng công nghiệp và các nhà thầu dầu khí và đang dần mở rộng đến đối tượng khách hàng lẻ thông qua mạng lưới phân phối xăng dầu của PVOIL. Sản phẩm dầu mỡ nhờn của PVOIL được sản xuất tại nhà máy Bình Chiểu (Tp. Hồ Chí Minh) với công suất 20.000 tấn/năm.

Kinh doanh sản phẩm dầu

Trong lĩnh vực kinh doanh phân phối xăng dầu tại thị trường nội địa, PVOIL xếp vị trí thứ 2 về sản lượng tiêu thụ, chiếm khoảng 20% thị phần. Tại Lào, PVOIL đứng thứ 2, chiếm 10% thị phần.

Trong suốt gần 12 năm hoạt động, thông qua hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), PVOIL đã phát triển mạnh mẽ hệ thống phân phối KDXD rộng khắp cả nước và tại nước bạn Lào.

3.2 Địa bàn kinh doanh và hệ thống phân phối



Trong nước:

PVOIL có hệ thống phân phối xăng dầu tại **64/64 tỉnh thành** trên cả nước với trên **3.500** cửa hàng xăng dầu (CHXD), trong đó:

- 570 CHXD trực thuộc
- 3.000 CHXD đại lý/nhượng quyền thương mại.

Nước ngoài:

▪ **Tại Lào**, PVOIL có 02 công ty con là PVOIL Laos kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu là PVOIL Laos Trading kinh doanh phân phối xăng dầu tại 16/18 tỉnh/thành của Lào với hệ thống phân phối trên 120 CHXD.

▪ **Tại Singapore**, PVOIL có công ty con là PVOIL Singapore chuyên kinh doanh dầu thô và sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế.

- **Tại Campuchia**, PVOIL có công ty con là PVOIL Campuchia, đơn vị đang chuẩn bị đầu tư xây dựng nhà máy chế biến condensate tại đây.

3.3 Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh



- 570 cửa hàng xăng dầu trực tiếp quản lý vận hành
- 56 tỉnh/thành trên cả nước.



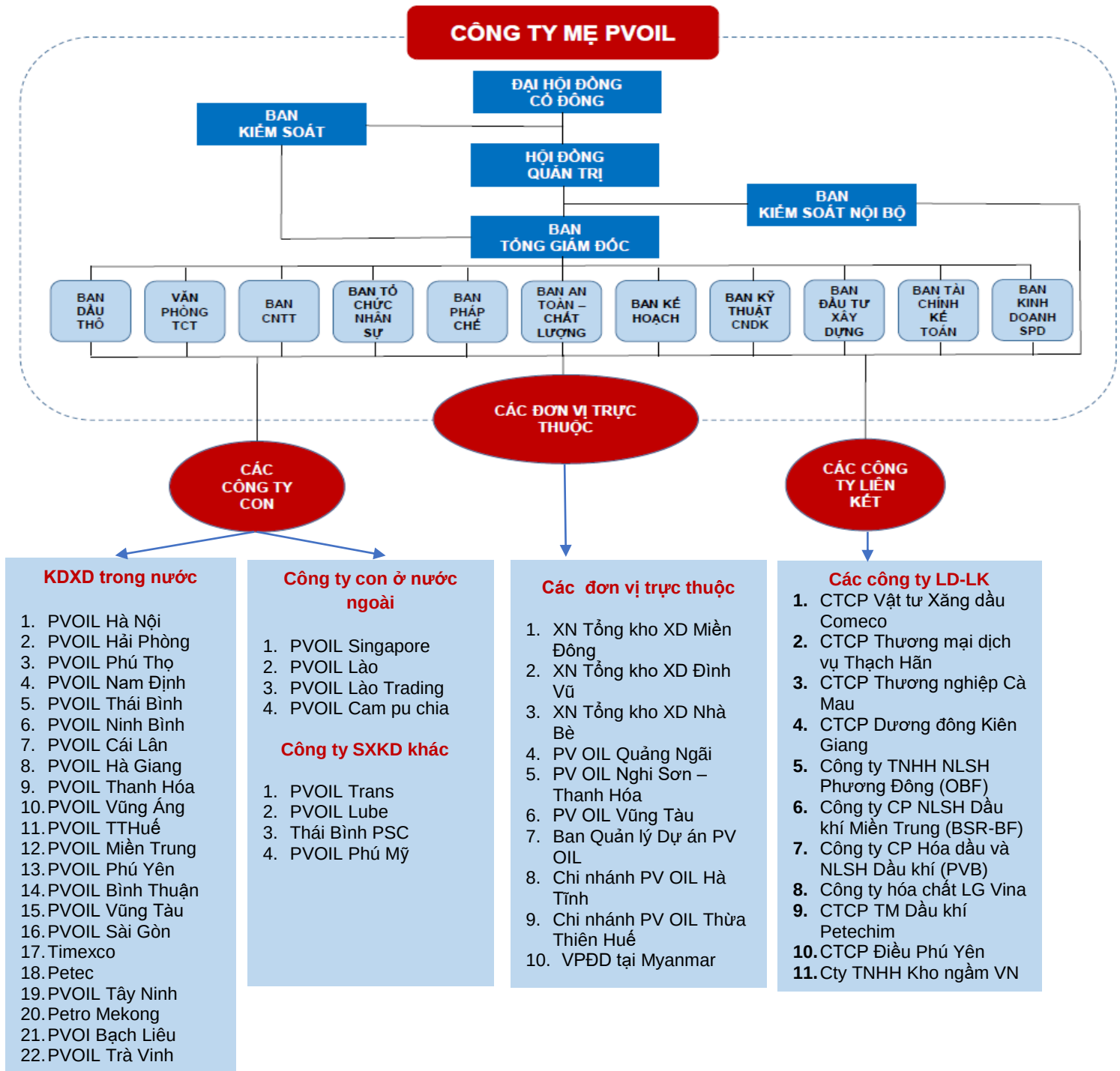
- 30 kho xăng dầu trên cả nước, tổng sức chứa 952 ngàn m³, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong 5-7 năm tới.
- 04 kho xăng dầu tại Lào với tổng sức chứa trên 4.000 m³



- 125 xe bồn tổng dung tích trên 2.000 m³
- 7 xà lan tổng dung tích 4.000 m³
- Đáp ứng khoảng 50% nhu cầu vận chuyển của PVOIL và đại lý

4. Mô hình quản trị công ty

Kể từ ngày 01/8/2018, Công ty mẹ Tổng Công ty Dầu Việt Nam chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với mô hình tổ chức bộ máy như sơ đồ sau:



5. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

- Các công ty con: Chi tiết xin xem tại BCTC kiểm toán (trang 62 và 63 báo cáo này)
- Các công ty liên doanh, liên kết: Chi tiết xin xem tại BCTC kiểm toán (trang 64 và 65 báo cáo này)

6. Định hướng phát triển

PVOIL kiên định với định hướng phát triển Tổng công ty dựa trên các quan điểm sau:

-  Phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính là XNK kinh doanh dầu thô và sản xuất, kinh doanh sản phẩm dầu.
-  Tiếp tục kiên định với định hướng phát triển hệ thống phân phối, đảm bảo tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng và phát huy tối đa cơ sở hạ tầng đã đầu tư.
-  Phát triển ổn định, bền vững, an toàn và hiệu quả; gắn hoạt động SXKD với bảo vệ môi trường và hướng tới lợi ích chung của toàn xã hội.
-  Không ngừng hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, ứng dụng CNTT, tự động hóa và mô hình quản trị tiên tiến nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2020-2025

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

- ★ PVOIL Là đơn vị duy nhất thực hiện nhiệm vụ xuất khẩu và kinh doanh dầu thô của Tập đoàn, cung cấp dầu thô từ nguồn nội địa cho NMLD Dung Quất.
- ★ Tăng trưởng sản lượng KDXD BQ **4-4,5%/năm**, giữ ổn định thị phần. Trong đó, giai đoạn 2020-2022 (hoàn tất tái cấu trúc các công ty con KDXD, quyết toán CPH và thoái vốn Nhà nước xuống còn 35,1%) đạt tốc độ tăng trưởng 3-3,5%; giai đoạn 2023-2025 (sau khi thoái vốn Nhà nước xuống còn 35,1%) đạt tốc độ tăng trưởng 4-4,5%.
- ★ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối theo hướng gia tăng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp, phấn đấu tỷ trọng bán lẻ và đại lý trực tiếp đạt **tối thiểu 50%** vào năm 2025

MỤC TIÊU CỤ THỂ

- ★ Sản lượng KDXD đến 2025 đạt **3,8-4,0 triệu m³/tấn**; bán lẻ đạt 1,2 triệu m³/tấn, tỷ trọng bán lẻ đạt **30-31%**.
- ★ Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ bình quân **6%**
- ★ Giá trị vốn hóa của PVOIL tăng **2-2,5 lần** vốn điều lệ vào năm 2025

Kết thúc cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần từ đầu tháng 8/2018, PVOIL tiếp tục xúc tiến công tác thoái vốn Nhà nước xuống dưới chi phối theo chỉ đạo của Chính phủ với mục tiêu lựa chọn được cổ đông lớn đủ tầm vóc, năng lực và kinh nghiệm đồng hành cùng PVOIL phát triển đột phá. Trong giai đoạn chuyển tiếp (dự kiến kéo dài tới cuối năm 2021), khi Nhà nước chưa hoàn tất việc thoái vốn, PVOIL đặt mục tiêu phát triển ổn định, tập trung đổi mới về chất làm tiền đề cho các bước phát triển trong tương lai.

6.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh



Lĩnh vực ủy thác dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế: Xuất/bán an toàn và hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác ở nước ngoài; cung cấp đầy đủ dầu thô nguyên liệu cho NMLD Dung Quất theo yêu cầu. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dầu quốc tế, khẳng định thương hiệu PVOIL trong lĩnh vực này.



Lĩnh vực sản xuất, pha chế: Triển khai sản xuất pha chế xăng sinh học đáp ứng nhu cầu thị trường và theo lộ trình của Chính phủ; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm DMN thương hiệu PVOIL LUBE.



Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu: Giữ ổn định thị phần và hệ thống phân phối; tập trung gia tăng tỷ trọng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp, bền vững (bán lẻ và bán khách hàng công nghiệp) và xúc tiến phát triển các dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD.

6.2. Tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp

Công tác tái cấu trúc đổi mới doanh nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm của Tổng công ty trong giai đoạn này với việc tổ chức lại hệ thống công ty thành viên kinh doanh xăng dầu và thoái vốn nhà nước tại PVOIL xuống dưới chi phối theo đúng định hướng của Chính phủ khi cổ phần hóa. PVOIL kỳ vọng sẽ hoàn tất quyết toán cổ phần hóa trong năm 2020 và thoái vốn Nhà nước trong năm 2021.

6.3. Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực

Công tác nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực được chú trọng, thông qua các giải pháp:

- ✓ Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản trị điều hành hướng tới mô hình quản trị hiện đại, minh bạch, chuyên nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế và áp dụng khoa học công nghệ, số hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ khách hàng
- ✓ Tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

7. Các rủi ro

	Rủi ro lãi suất: Lãi suất là một chỉ số tài chính quan trọng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của PVOIL do một phần vốn lưu động và đầu tư là vốn vay. Trong năm 2019, lãi suất cho vay ngắn hạn trên thị trường phổ biến ở mức 6-9%. Tuy nhiên, nhờ có dòng tiền tốt và tín nhiệm cao với các ngân hàng nên PVOIL luôn thu xếp được các khoản vay với lãi suất ưu đãi, giúp giảm thiểu chi phí kinh doanh.
	Rủi ro tỷ giá: Là doanh nghiệp nhập khẩu, kinh doanh xăng dầu nên PVOIL chịu ảnh hưởng về biến động tỷ giá. PVOIL đã áp dụng hình thức giao dịch kỳ hạn để hạn chế rủi ro. Tuy nhiên, từ cuối năm 2018, nguồn cung từ 2 NMLD trong nước đã đáp ứng từ 80-90% nhu cầu nội địa, lượng xăng dầu nhập khẩu giảm mạnh giúp doanh nghiệp ít chịu ảnh hưởng rủi ro về tỷ giá.

	Rủi ro về giá dầu: Giá dầu thô và xăng dầu trên thế giới biến động liên tục, rất khó lường, phức tạp và phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình địa chính trị; tình hình kinh tế tại các nước như Mỹ, Trung Quốc, châu Âu; diễn biến nhu cầu và nguồn cung trên toàn thế giới cũng như các yếu tố tài chính, tâm lý thị trường. Để ứng phó, PVOIL đặc biệt chú trọng công tác phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và có chính sách điều hành linh hoạt.
	Rủi ro về điều hành kinh doanh xăng dầu (KDXD) của Chính phủ: Hoạt động kinh doanh của Công ty có liên quan mật thiết với giá dầu thô và xăng dầu trên thị trường thế giới và điều hành giá của Chính phủ. Điều hành KDXD của Chính phủ trong hơn 5 năm gần đây đã thể hiện sự minh bạch và tiếp cận thị trường, tuy nhiên vẫn còn những bất cập, tiềm ẩn rủi ro cho doanh nghiệp (biên độ điều chỉnh giá 15 ngày, sử dụng các công cụ điều tiết khác như quỹ bình ổn và thuế nhập khẩu; bắt buộc về tồn kho lưu thông 30 ngày; ấn định mức chi phí và lợi nhuận định mức trong KDXD).
	Rủi ro cháy nổ, ô nhiễm môi trường: Kinh doanh xăng dầu là ngành nghề có rủi ro cao về cháy, nổ, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường... Khi có sự cố xảy ra sẽ để lại hệ lụy nặng nề đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Để hạn chế và kiểm soát rủi ro đặc thù này, PVOIL đã đầu tư, trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định, tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ, thuê đơn vị chuyên ngành triển khai các giải pháp phòng, chống tràn dầu và mua đầy đủ các loại bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy nổ...
	Rủi ro về pháp luật: Là một công ty cổ phần đại chúng, hoạt động kinh doanh của PVOIL bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Tổng công ty. Để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, PVOIL luôn theo dõi và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan trong hệ thống, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Tổng công ty.
	Rủi ro khác: Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của PVOIL có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Đại dịch viêm phổi cấp do virus Corona chủng mới Covid 19 gây ra đang hoành hành trên khắp thế giới làm nhu cầu tiêu thụ xăng dầu sụt giảm mạnh trên diện rộng, giá dầu thô xăng dầu quý I/2020 giảm xuống mức thấp nhất trong 4 năm qua, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xăng dầu, dầu khí trong đó có PVOIL.

PHẦN 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

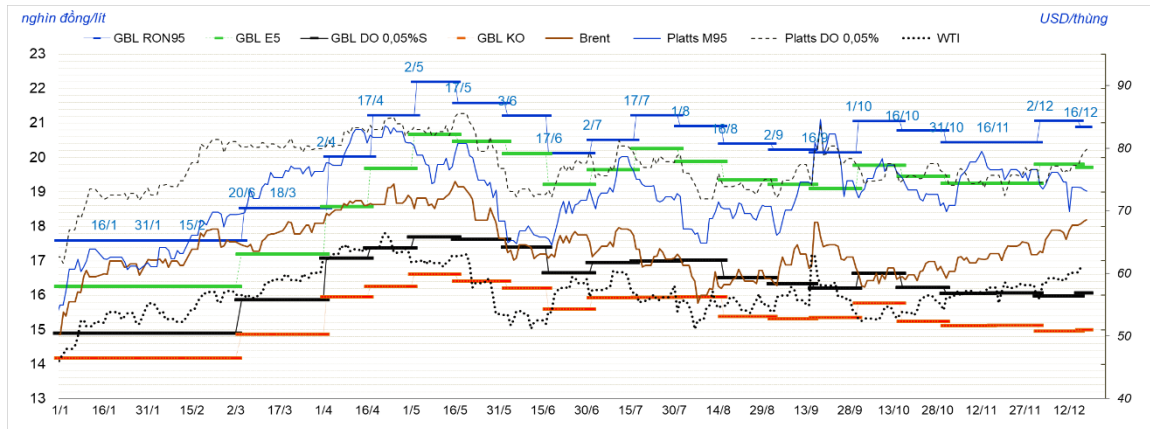
1. Bối cảnh chung

1.1. Thuận lợi

- ✓ Trong nước, kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì được sự ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn đạt ở mức cao - trên 7%, lạm phát được kiểm soát ở mức bình quân 3,5%.
- ✓ PVOIL có hệ thống Kho và CHXD rộng khắp cả nước nên lợi thế trong việc triển khai các chương trình bán hàng, hợp tác kinh doanh ở quy mô lớn
- ✓ Thế giới đang chuyển mình với cuộc cách mạng 4.0 nên việc PVOIL chủ động đi trước đón đầu, áp dụng các giải pháp công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh đang dần phát huy hiệu quả.

1.2. Khó khăn

- ✓ Năm 2019, thương mại và đầu tư toàn cầu đều có dấu hiệu suy giảm do chịu tác động của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, tiến trình Brexit và những bất ổn địa chính trị trên thế giới. Bên cạnh đó, căng thẳng giữa Iran với Mỹ và các nước phương Tây, cuộc tấn công vào các NMLD lớn tại Saudi Arabia và việc OPEC thực hiện thỏa thuận cắt giảm sản lượng là những nguyên nhân chính dẫn đến biến động giá dầu thô và xăng dầu với biên độ lớn trên thị trường thế giới trong năm qua. Giá dầu Brent DTD đạt mức bình quân 64,3 USD/thùng, giảm 10% so với trung bình năm 2018.
- ✓ Trong nước, Chính phủ tiếp tục điều hành KDXD theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP, duy trì chu kỳ điều chỉnh giá bán lẻ 15 ngày kết hợp với trích/sử dụng quỹ bình ổn giá để điều tiết giá bán lẻ trong nước với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô. Điều hành giá của Chính phủ chưa theo kịp diễn biến thị trường, thậm chí một số thời điểm bị lệch pha so với giá thế giới, gây nhiều bất lợi cho doanh nghiệp đầu mối. Cụ thể: Trong Quý I/2019, giá dầu thế giới bất ngờ đảo chiều tăng mạnh khoảng 30%. Tuy nhiên, để ổn định thị trường dịp Tết Nguyên Đán, Nhà nước đã không tăng giá bán lẻ trong hầu hết quý I mà chỉ cho sử dụng Quỹ BOG ở mức rất cao. Do vậy, Quỹ BOG của PVOIL và hầu hết các doanh nghiệp đầu mối đều đã bị âm, ảnh hưởng tới dòng tiền và chi phí tài chính. Nhiều Đầu mối đã giảm nguồn đầu vào, hạn chế bán hàng dẫn đến mức chiết khấu thị trường đã giảm xuống mức rất thấp làm cho hiệu quả kinh doanh ngay cả đối với kênh bán lẻ cũng phát sinh lỗ.
- ✓ Thuế bảo vệ môi trường được điều chỉnh tăng từ ngày 02/01/2019. Trước thời điểm này, ngày 01/01/2019, Nhà nước điều hành giảm giá bán lẻ không xét đến yếu tố tăng thuế bảo vệ môi trường làm các doanh nghiệp đầu mối chịu tác động tiêu cực kép. Ngày 16/9/2019, Nhà nước đã điều chỉnh giảm phụ phí trong công thức tính giá cơ sở các mặt hàng xăng dầu để điều hành giá bán lẻ, làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của PVOIL trong các tháng cuối năm.
- ✓ Nguồn cung từ các NMLD trong nước đã gia tăng đáng kể trong năm, đáp ứng khoảng 70-80% nhu cầu tiêu thụ nội địa. Tuy nhiên, việc NMLD Nghi Sơn bị một số sự cố phải dừng vận hành đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đảm bảo nguồn hàng và làm gia tăng chi phí của doanh nghiệp trong năm. Thị trường xăng dầu nội địa ngày càng cạnh tranh gay gắt bởi sự gia tăng liên tục số lượng doanh nghiệp đầu mối và thương nhân phân phối. Tính đến cuối năm 2019, cả nước có 32 doanh nghiệp đầu mối tăng 9 doanh nghiệp và 210 thương nhân phân phối tăng 10 thương nhân so với cuối năm 2018. Bên cạnh đó, tình trạng kinh doanh trái phép xăng dầu vẫn diễn biến phức tạp dù Chính phủ đã có nhiều biện pháp ngăn chặn mạnh mẽ.



Biểu đồ diễn biến giá dầu thế giới và giá bán lẻ xăng dầu năm 2019

- ✓ Công tác sản xuất pha chế tiếp tục gặp nhiều khó khăn khi condensate mua theo giá đấu thầu ở mức rất cao do một số khách hàng mua để sản xuất các mặt hàng dung môi, ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả pha chế xăng của PVOIL. Nhu cầu thị trường mặt hàng xăng E5 RON92 có xu hướng giảm do yếu tố tâm lý và các doanh nghiệp đầu mối, thương nhân phân phối khác chưa mặn mà với xăng E5.
- ✓ Chi phí kinh doanh của PVOIL tăng cao hơn khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần do giá trị doanh nghiệp tăng lên khi được đánh giá lại.

Bối cảnh nêu trên đã ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chính của PVOIL năm 2019.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

2.1. Các chỉ tiêu sản lượng

TT	Chỉ tiêu sản lượng (1000 m3/tấn)	TH 2018	KH 2019	TH 2019	So với	
					TH 2018	KH 2019
1	Đại lý Xuất khẩu dầu thô	4.438	4.100	4.454	100%	109%
2	Cung cấp dầu thô cho BSR (trong nước và NK)	7.691	6.700	7.603	99%	113%
3	Sản xuất xăng dầu, DMN	559	604	604	108%	100%
	<i>Trong đó: xăng E5</i>	<i>535</i>	<i>600</i>	<i>567</i>	<i>106%</i>	<i>95%</i>
4	Kinh doanh xăng dầu	3.093	3.200	3.185	103%	100%
	<i>Tỷ trọng bán lẻ</i>	<i>25,6%</i>	<i>26%</i>	<i>26,4%</i>	<i>103%</i>	<i>102%</i>

Kết quả cụ thể từng lĩnh vực như sau:

2.1.1 Xuất nhập khẩu dầu thô

PVOIL đã xuất bán an toàn, hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các chủ mỏ khác với sản lượng đạt 109% kế hoạch và tương đương so với cùng kỳ. PVOIL cung cấp đầy đủ và kịp thời 100% nguyên liệu cho NMLD Dung Quất từ nguồn dầu thô khai thác trong nước và nhập khẩu với sản lượng đạt 113% kế hoạch cả năm và bằng 99% so với cùng kỳ.

2.1.2 Sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn

Sản lượng sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn trong năm đạt 100% kế hoạch và bằng 108% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng xăng E5 tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tâm lý thị trường và các doanh nghiệp kinh doanh phân phối xăng dầu khác chưa mặn mà với mặt

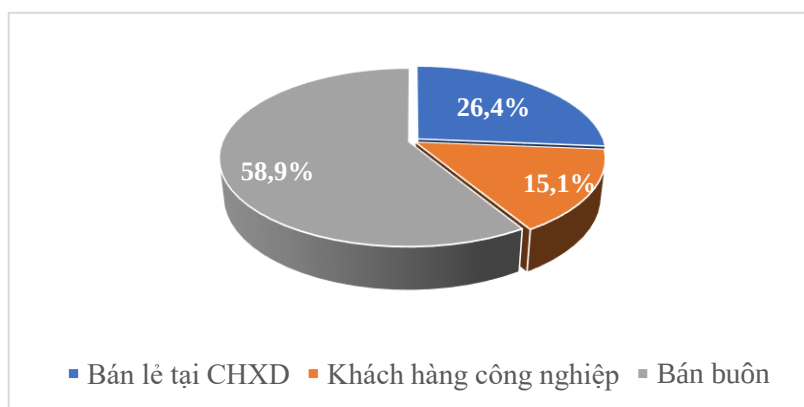
hàng xăng sinh học. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng chưa có các chính sách thích đáng để quảng bá, tuyên truyền, cũng như động viên, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người tiêu dùng trong việc sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ mặt hàng này.

2.1.3 Kinh doanh xăng dầu

Tổng sản lượng kinh doanh xăng dầu toàn hệ thống PVOIL (bao gồm bán nội địa và PVOIL Lào) cả năm đạt 3,2 triệu m³, hoàn thành 100% kế hoạch năm và tăng trưởng 3% so với cùng kỳ.

Trong bối cảnh diễn biến bất lợi của thị trường và điều hành của Nhà nước chưa theo sát thị trường, PVOIL tiếp tục phải cân đối hài hòa các mục tiêu về sản lượng tiêu thụ và hiệu quả kinh doanh. Song song đó, PVOIL tiếp tục đẩy mạnh phát triển các kênh tiêu thụ trực tiếp là bán lẻ và kênh khách hàng công nghiệp. Sản lượng bán lẻ qua hệ thống CHXD trực thuộc PVOIL tiếp tục có bước tăng trưởng vượt bậc, tăng 6% về sản lượng và 01 điểm % về tỷ trọng (đạt 26,4%) so với cùng kỳ. Sản lượng kênh khách hàng công nghiệp tăng 17% về sản lượng và 1,7 điểm % về tỷ trọng (đạt 15,1%) so với cùng kỳ.

Tỷ trọng kênh phân phối năm 2019



2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

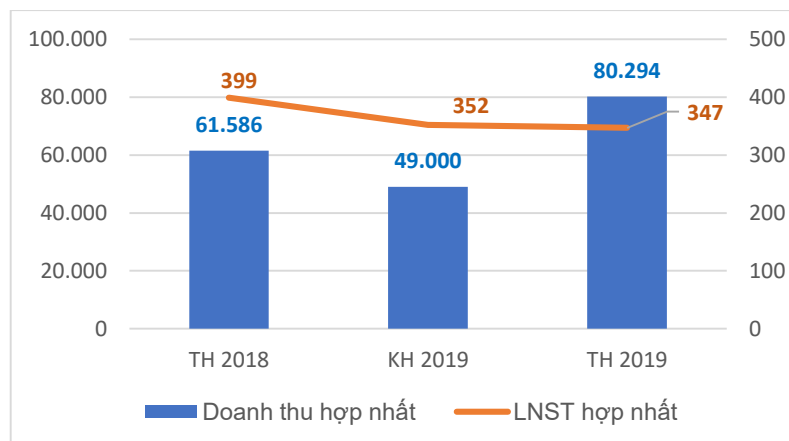
TT	Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)	TH 2018	KH 2019	TH 2019	So với	
					TH 2018	KH 2019
I	Các chỉ tiêu hợp nhất					
1	Doanh thu	61.586	49.000	80.294	130%	164%
2	EBITDA	1.094		993	91%	
3	Lợi nhuận trước thuế	589	440	412	70%	94%
4	Lợi nhuận sau thuế	399	352	347	87%	99%
5	Nộp NSNN	9.219	7.100	11.557	125%	163%
II	Công ty mẹ					
1	Doanh thu	34.429	31.500	32.197	94%	102%
2	Lợi nhuận trước thuế	442	340	342	77%	101%
	<i>Trong đó cổ tức từ công ty con/liên kết</i>	110		72	65%	
3	Lợi nhuận sau thuế	318	272	317	100%	117%

Doanh thu hợp nhất cả năm đạt 80.294 tỷ đồng, hoàn thành 164% kế hoạch năm và bằng 130% so với cùng kỳ. Tăng trưởng chủ yếu đến từ mảng kinh doanh dầu thô quốc tế của PVOIL Singapore, đóng góp 33.800 tỷ đồng vào tổng doanh thu của toàn hệ thống.

Nộp NSNN hợp nhất cả năm đạt 11.557 tỷ đồng hoàn thành 163% kế hoạch năm và bằng 125% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 412 tỷ đồng, đạt 94% kế hoạch và bằng 70% so với cùng kỳ. Lợi nhuận công ty mẹ đạt 342 tỷ, hoàn thành 101% kế hoạch và bằng 77% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất và công ty mẹ đạt xấp xỉ kế hoạch giao và có mức sụt giảm thấp hơn (đối với hợp nhất) và tương đương so với cùng kỳ (đối với công ty mẹ).

Doanh thu và LNST hợp nhất năm 2019 (tỷ đồng)



Có được kết quả trên, ngoài cố gắng nỗ lực trong điều hành SXKD, PVOIL cũng đã triệt để thực hiện công tác tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí trong điều kiện kinh doanh hết sức khó khăn, với số tiết giảm được là 84,8 tỷ đồng so với kế hoạch.

Lợi nhuận của PVOIL sụt giảm đáng kể so với cùng kỳ vì các lý do sau:

- ✓ Diễn biến bất lợi của thị trường, giá dầu thô và xăng dầu biến động với biên độ lớn. Trong khi đó, nguồn cung từ NMLD Nghi Sơn thiếu ổn định do sự cố khiến các doanh nghiệp bị động về nguồn hàng và gia tăng chi phí nhập khẩu hàng ngoài kế hoạch.
- ✓ Điều hành giá của Chính phủ với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, trong nhiều thời điểm diễn biến trái chiều với giá thế giới. Để giữ bình ổn giá, trong những giai đoạn giá thế giới tăng (đặc biệt trong quý I năm 2019) Chính phủ yêu cầu sử dụng tối đa quỹ bình ổn khiến quỹ liên tục âm, gây bất lợi và làm tăng chi phí của doanh nghiệp. Khi giá xuống thì doanh nghiệp phải tự gánh lỗ tồn kho.
- ✓ Năm 2019 PVOIL phát sinh phân bổ giá trị thương hiệu và khấu hao Tài sản cố định tăng do đánh giá lại giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa PVOIL làm chi phí tăng khoảng 100 tỷ đồng/năm.

3. Tổ chức và nhân sự

3.1. Ban điều hành Tổng công ty



Tổng giám đốc: Ông Cao Hoài Dương

Ngày sinh: 30/01/1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Hóa Công nghệ



Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có gần 27 năm đóng góp cho ngành dầu khí sau khi tốt nghiệp thạc sĩ tại Úc. Trải qua các vị trí từ chuyên viên, lãnh đạo cấp trung đến tham gia quản lý điều hành của ngành Dầu khí như: Phó Tổng giám đốc Liên doanh Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổng giám đốc Tổng công ty Đạm và Hóa chất Dầu khí (Đạm Phú Mỹ). Với tư duy chiến lược sắc bén và kiến thức sâu rộng trong nhiều lĩnh vực, ông khẳng định uy tín, vai trò qua từng vị trí công tác với nhiều đóng góp quan trọng. Tháng 01/2016, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam điều động về Tổng công ty Dầu Việt Nam -

Công ty TNHH MTV giữ cương vị Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty. Ông tiếp tục đảm nhận vị trí Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Ông Cao Hoài Dương đang nắm giữ 237.877.885 cổ phần tại PVOIL. Trong đó, 237.872.785 cổ phần là đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và 5.100 cổ phần là sở hữu của cá nhân.

Phó Tổng giám đốc Nguyễn Anh Toàn

Ngày sinh: 17/9/1962

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh



Kinh nghiệm nghề nghiệp: Gia nhập ngành dầu khí từ năm 1996, ông đã trải qua các vị trí phó/trưởng phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Petec, trưởng Ban Sản phẩm xăng dầu Tổng công ty trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV từ tháng 6/2011. Từ 01/08/2018 đến nay ông tiếp tục tham gia quản lý và điều hành Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP ở cương vị Phó Tổng giám đốc.

Ông hiện đang sở hữu 1.700 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng giám đốc Võ Khánh Hưng

Ngày sinh: 28/9/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh



Kinh nghiệm nghề nghiệp: PTGD Võ Khánh Hưng gắn bó với Petechim – đơn vị tiền thân của Tổng công ty ngay từ những ngày đầu thành lập (08/1992), ông Hưng là một trong những gương mặt tiêu biểu về sự cống hiến trong từng bước tiến của Tổng công ty. Trong suốt gần 28 năm công tác, ông đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao phó. Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV từ tháng 06/2008 và tiếp tục nắm

giữ cương vị này sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP đến nay. Ông hiện đang sở hữu 2.200 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng giám đốc Lê Xuân Trình

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 16/01/1961

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh



Kinh nghiệm nghề nghiệp: Gắn bó với ngành dầu khí ngay từ những năm đầu của thập niên 90 ở các vị trí quản lý cấp cao, ông Trình là một trong những người có đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển ngành Dầu khí Việt Nam. Ông từng nắm giữ các vị trí quan trọng tại các công ty dầu khí lớn ở Việt Nam PTSC, Idemitsu, PVTSC, PV Gas. Từ

tháng 12/2006 - 06/2008 ông là thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC) – đơn vị tiền thân của PVOIL. Từ tháng 07/2008 ông được PVOIL bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV và tiếp tục nắm giữ cương vị này sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP đến nay. Ông hiện đang sở hữu 3.000 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng giám đốc Nguyễn Tuấn Tú

Ngày sinh: 30/3/1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh



Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông Tú đã có gần 30 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí, nắm giữ nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính kế toán. Gia nhập Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechem) - tiền thân của PVOIL từ tháng 05/2006 với cương vị Kế toán trưởng. Từ tháng 06/2011 ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Hiện ông đang tiếp tục phát huy vai trò, nhiệm vụ ở cương vị này khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày

01/8/2018. Ông hiện đang sở hữu 1.000 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng giám đốc Nguyễn Đăng Trình

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 20/7/1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp



Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có gần 15 năm kinh nghiệm trong ngành Dầu khí, trong lĩnh vực tài chính kế toán. Ông được tin tưởng và bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty từ tháng 12/2014 và đã có nhiều đóng góp vào quá trình hoàn thiện công tác kế toán quản trị tại Tổng công ty. Từ ngày 01/08/2018 khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP, ông tiếp tục giữ chức Kế toán trưởng và sau đó từ ngày 3/6/2019 đến nay được bổ nhiệm và giữ chức

Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty. Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Phó Tổng giám đốc Vũ Hoài Lam

Ngày sinh: 22/4/1971

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Thương mại



Kinh nghiệm nghề nghiệp: Với nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức quốc tế uy tín, tháng 05/2011 ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Ông tiếp tục giữ cương vị này sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP - từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Ngọc Ninh

Ngày sinh: 07/10/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán



Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có 17 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí ở lĩnh vực tài chính kế toán. Từng giữ các chức vụ Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng phòng Đầu tư, Trưởng phòng Giao dịch Công ty cổ phần Tài chính Dầu khí. Tháng 11 năm 2011 ông về công tác tại Tổng công ty Dầu Việt Nam ở vị trí Phó ban TCKT và sau đó tháng 10/2017 được bổ nhiệm chức Trưởng ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty. Với năng lực và kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và quản lý công nợ, từ

ngày 9/9/2019 đến nay ông được bổ nhiệm và giữ chức Kế toán trưởng Tổng công ty. Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

3.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2019 PVOIL có thay đổi về nhân sự Ban điều hành như sau:

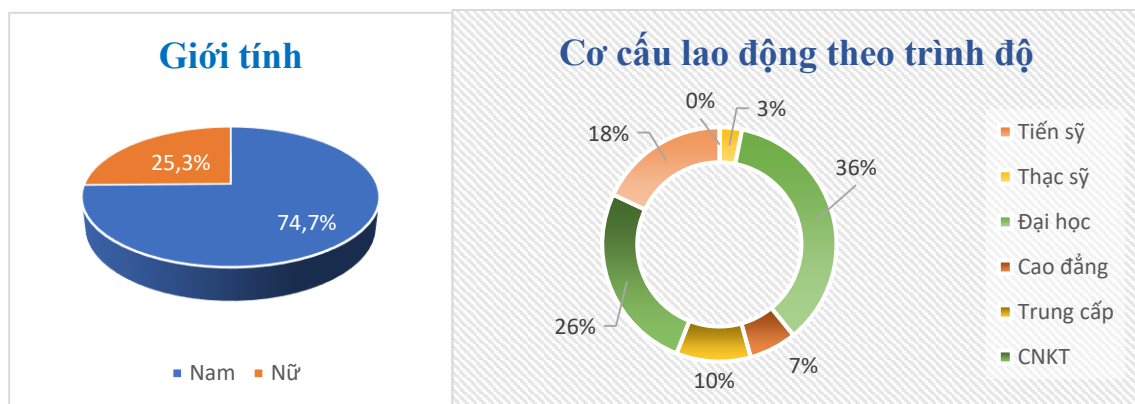
TT	Họ tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Đăng Trình	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ 03/6/2019
2	Ông Phạm Thành Vinh	Phó Tổng giám đốc	Nghỉ hưu từ 01/7/2019
3	Ông Nguyễn Ngọc Ninh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ 09/9/2019

3.3. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động

3.3.1. Lao động, tiền lương

Tổng số CBNV toàn Tổng công ty tính đến ngày 31/12/2019 là **5.762 người**, tiền lương bình quân của người lao động là **13,3 triệu đồng/người/tháng**.

Cơ cấu nguồn nhân lực của PVOIL như sau:



3.3.2. Chính sách đối với Người lao động

Chính sách lao động tiền lương

PVOIL đã xây dựng, ban hành các quy chế, quy định liên quan đến công tác lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng... đảm bảo phù hợp các quy định của Nhà nước, Tập đoàn và đặc thù của PVOIL.

- ✓ Đảm bảo được việc làm cho Người lao động, bố trí công việc phù hợp với chuyên môn, khả năng của Người lao động; không có trường hợp nào phải ngừng việc hoặc mất việc làm;
- ✓ Về cơ bản chính sách tiền lương hiện tại Tổng công ty đảm bảo được trả theo chức danh công việc đảm nhiệm, năng lực của mỗi CBNV đảm bảo cạnh tranh và công bằng;
- ✓ Các loại phụ cấp được áp dụng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc và đặc thù công việc của từng vị trí;
- ✓ Hàng năm, Tổng công ty đã triển khai giao mục tiêu và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPIs) cho CBNV Công ty mẹ - Tổng công ty nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm và hiệu quả công việc của từng cá nhân/bộ phận từ đó đề ra kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ CBNV cũng như tránh được việc cào bằng trong trả lương, trả thưởng;
- ✓ Tổng công ty luôn nỗ lực triển khai các chính sách về nhân sự, tiền lương nhằm đảm bảo ổn định thu nhập, tạo động lực cho người lao động tiếp tục phấn đấu, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển PVOIL, gồm:
 - ✓ Chính sách bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe: thực hiện tốt chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước; Bảo hiểm con người trách nhiệm cao - PVI Care/Bảo hiểm tai nạn...; Khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBNV, lao động nữ... tại các trung tâm sức khỏe có chất lượng và uy tín.
 - ✓ Tổ chức đối thoại định kỳ để lắng nghe, giải đáp ý kiến của Người lao động cũng như là một kênh để công khai, thông báo, phổ biến đến Người lao động về tình hình SXKD, các quy chế, quy định, nội quy của Tổng công ty, việc trích lập các quỹ.
 - ✓ Chính sách phúc lợi khác:

Trợ cấp, chế độ khác	Tham quan, nghỉ mát	Hoạt động phong trào
☐ - Ăn ca; - Trang phục; - Sinh nhật; - Trợ cấp độc hại, ATVSV,... - Bảo hiểm hưu trí TN - Khác	☐ Tùy thuộc kết quả SXKD, hàng năm chính quyền và công đoàn phối hợp tổ chức cho Người lao động đi tham quan, nghỉ mát	☐ Người lao động và con em được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao nhân dịp Lễ, Tết,...



Chính sách đào tạo:

Hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP luôn gắn liền với chiến lược phát triển của Tổng công ty nhằm phát huy nội lực cao nhất, phát huy khả năng làm việc sáng tạo từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Trong năm 2019, Tổng công ty đã triển khai đào tạo cho 11.676 lượt người với chi phí 10,5 tỷ đồng. Các chương trình đào tạo có nội dung xuyên suốt nhằm đồng bộ kiến thức và nâng cao ý thức tại các Kho xăng dầu và Cửa hàng xăng dầu. Bên cạnh đó PVOIL cũng đồng thời tổ chức các khóa đào tạo cập nhật kiến thức chuyên môn và đào tạo nội bộ nhằm nâng cao kỹ năng, hướng dẫn công việc ...



Một số hình ảnh cuộc thi “Đội vận hành giỏi” khối Kho xăng dầu năm 2019 của PVOIL



4. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Trong năm 2019, thực hiện đầu tư toàn hệ thống đạt 320 tỷ đồng, bằng 82% kế hoạch do một số dự án dừng, giãn đầu tư. Các hạng mục đầu tư chủ yếu gồm:

- ✓ Phát triển hệ thống bán lẻ: trong năm PVOIL đã đầu tư phát triển mới 26 CHXD, hoàn thành 68% kế hoạch năm.
- ✓ Quyết toán dự án kho xăng dầu Nghi Sơn giai đoạn 1 và đầu tư mở rộng sức chứa thêm 2.100 m³ (lên 12.100 m³).

Chi tiết thực hiện đầu tư như sau:

TT	Hạng mục đầu tư	KH 2019	TH 2019	% TH/KH
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng	103	58	56%
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD	184	179	97%
3	Mua sắm khác	103	83	81%
	TỔNG CỘNG	390	320	82%
	<i>Trong đó: - Công ty mẹ</i>	156	131	84%
	<i>- Công ty con</i>	235	189	81%
	Đầu tư từ nguồn vốn CSH	257	262	102%

Việc đầu tư CHXD trong thời gian qua triển khai khá chậm do các thủ tục đầu tư theo quy định của Nhà nước còn phức tạp và Nhà nước còn nắm giữ chi phối tại Tổng công ty.

5. Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp

PVOIL tiếp tục triển khai tái cơ cấu giai đoạn 2016 - 2020 theo định hướng của Công ty mẹ - Tập đoàn dầu khí Việt Nam đã được công bố tại bản cáo bạch thông tin khi cổ phần hóa. Các công việc chính đã triển khai thực hiện trong năm 2019 gồm:

- ✓ PVOIL đã tổ chức lại PVOIL Lào theo hình thức tách thành 02 công ty (công ty xuất nhập khẩu và công ty kinh doanh xăng dầu) phù hợp với quy định tại Nghị định 331/PM của Chính phủ Lào để giữ ổn định hoạt động của PVOIL Lào, tạo cơ hội phát triển và tiếp tục duy trì sự hiện diện của thương hiệu PVOIL tại thị trường Lào.
- ✓ Tiếp tục tái cấu trúc các đơn vị thành viên hoạt động kém hiệu quả.
- ✓ Tiếp tục tái cấu trúc các nhà máy Nhiên liệu sinh học (NLSH) có vốn góp của PVOIL theo Đề án 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2017 và Kế hoạch hành động số 4269/QĐ-BCĐDADNCT ngày 14/11/2017 của Chính phủ.

6. Tình hình tài chính

6.1. Tình hình tài chính (hợp nhất)

Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	24.664	26.481	107%
Doanh thu thuần	61.171	79.861	131%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	523	364	70%
Lợi nhuận khác	66	48	73%
Lợi nhuận trước thuế	589	412	70%
Lợi nhuận sau thuế	399	347	87%

6.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,31	1,32
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,20	1,16
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,57	0,59
	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,31	1,44
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	24,83	38,03
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,48	3,02
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,7%	0,4%
	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,7%	3,2%
	Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,6%	1,4%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,9%	0,5%

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phiếu PVOIL được đăng ký giao dịch tại Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 08/3/2018 với thông tin chi tiết như sau:

- 🔥 Mã chứng khoán: OIL
- 🔥 Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- 🔥 Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- 🔥 Room tối đa cho khối ngoại: 6,621%
- 🔥 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.034.229.500 cổ phiếu
- 🔥 Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 201.425.936 cổ phiếu

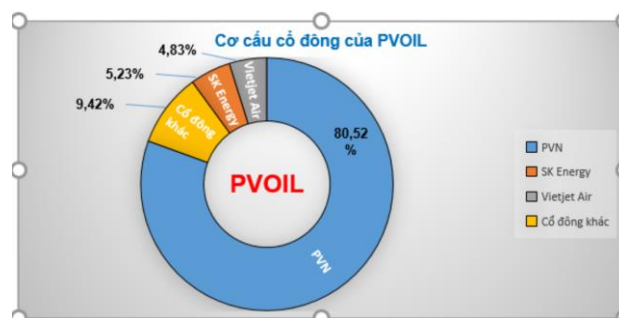
7.1. Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VĐL
I Cổ đông trong nước					
	Tổ chức	17	894.873.964	8.948.739.640.000	86,53%
	Cá nhân	4.274	79.558.319	795.583.190.000	7,69%
II Cổ đông nước ngoài					
	Tổ chức	19	57.914.007	579.140.070.000	5,60%
	Cá nhân	32	1.883.210	18.832.100.000	0,18%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
Tổng cộng			1.034.229.500	10.342.295.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 03/4/2019

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tổng công ty đến 31/12/2019:

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VĐL
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	01	832.803.564	8.328.035.640.000	80,52%
2	SK Energy Co.Ltd.	01	54.121.507	541.215.070.000	5,23%



7.2. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

7.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

7.4. Các chứng khoán khác: không có

PHẦN III

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động SKXD của Tổng công ty

Trải qua một năm nhiều biến động và vô cùng khó khăn đối với các doanh nghiệp đầu mối KDXD, toàn thể đội ngũ PVOIL đã nỗ lực vượt bậc để hoàn thành phần lớn các chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm, đồng thời tiếp tục từng bước hiện thực các mục tiêu chiến lược dài hạn - phát triển ổn định và bền vững Tổng công ty. Ban điều hành đánh giá kết quả đạt được trong năm và những tồn tại hạn chế theo từng lĩnh vực hoạt động như sau:

- ✓ **Lĩnh vực Ủy thác XNK dầu thô:** đảm bảo xuất bán an toàn và hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô Việt Nam và cung cấp đầy đủ, kịp thời dầu thô cho vận hành NMLD Dung Quất.



Hội nghị công tác dầu thô năm 2019

- ✓ **Sản xuất pha chế xăng dầu:** đảm bảo tuyệt đối nguồn cung xăng E5 Ron 92 đáp ứng nhu cầu thị trường với chất lượng ổn định.

- ✓ **Kinh doanh phân phối xăng dầu:** đảm bảo tốc độ tăng trưởng sản lượng chung, giữ ổn định hệ thống phân phối và tiếp tục đẩy mạnh phát triển kênh bán lẻ mang tính bền vững và hiệu quả thông qua việc đẩy mạnh phát triển CHXD, chỉnh trang CHXD, nâng cao chất lượng phục vụ theo đề án 1114,

808, đa dạng hóa dịch vụ, hình thức thanh toán qua chương trình PVOIL Mobile, PVOIL Easy,...; tìm kiếm thêm khách hàng công nghiệp để gia tăng sản lượng; xây dựng hệ thống khách hàng ổn định của hệ thống bán lẻ, gắn bó với Tổng công ty thông qua chương trình PVOIL Easy

- ✓ **Công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu được đẩy mạnh, giúp nâng cao vị thế và giá trị thương hiệu PVOIL** thông qua các hoạt động thường xuyên như: chỉnh



trang CHXD theo chuẩn nhận diện thương hiệu, quảng cáo tại CHXD dưới nhiều hình thức, tham gia tài trợ cho giải đua xe địa hình VOC PVOIL Cup 2019. Đặc biệt, trong năm, PVOIL đã phối hợp thực hiện nhiều chương trình mua xăng hoàn tiền với ví điện tử MOMO tạo được hiệu ứng truyền thông mạnh mẽ quảng

bá thương hiệu.

Nhờ những nỗ lực không mệt mỏi trong nhiều năm qua, thương hiệu PVOIL đã trở nên quen thuộc, ngày càng khẳng định uy tín trên thị trường về sản phẩm và chất lượng dịch

vụ. PVOIL lọt vào top “50 thương hiệu hàng đầu” tại Việt Nam năm 2019 (đứng hạng 41) và top “100 công ty đại chúng lớn nhất” theo bình chọn của tạp chí Forbes Việt Nam.

✔ **Công tác nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực quản trị tiếp tục được chú trọng, tạo nền tảng vững vàng cho các mục tiêu phát triển dài hạn.**

Xác định việc nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua nâng cao năng lực quản trị, điều hành, chất lượng dịch vụ có ý nghĩa sống còn với doanh nghiệp, là



Hội nghị tổng kết hoạt động SXKD năm 2019

nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt của PVOIL trong suốt thời gian qua nhằm tạo dựng nền tảng vững vàng cho mục tiêu phát triển trong giai đoạn tới.

Từ năm 2016, PVOIL quyết liệt và kiên trì triển khai các đề án nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tại CHXD, kho xăng dầu để tạo lợi thế cạnh tranh thông qua 02 đề án 1114 và 808. Hai đề án này đã đem đến những thay đổi tích cực về cảnh quan, vệ sinh môi trường, nhận dạng thương hiệu, tinh thần thái độ của nhân viên, công tác lưu trữ hồ sơ ... tại các đơn vị và được khách hàng, đối tác đánh giá cao, nâng tầm uy tín thương hiệu PVOIL. Việc đẩy mạnh triển khai các đề án nâng cao chất lượng dịch vụ đã góp phần tích cực làm gia tăng liên tục sản lượng bán lẻ của PVOIL trong nhiều năm qua ở mức 7-8%/năm.

Công tác quản lý dòng tiền, công nợ thực hiện thông qua tài khoản trung tâm, đảm bảo an toàn thanh toán và sử dụng tối ưu nguồn vốn của doanh nghiệp. PVOIL tiếp tục kiểm soát tốt công nợ, không để xảy ra nợ xấu và tích cực thu hồi nợ cũ.

Công tác tiết kiệm, chống lãng phí đạt được kết quả tốt với chi phí tiết giảm 84,8 tỷ đồng trong năm.

Công tác an toàn phòng chống cháy nổ tại các Kho và CHXD luôn được chú trọng. Trong năm 2019, không để xảy ra tai nạn/sự cố nào gây thiệt hại về tài sản và người trong toàn hệ thống.

Hệ thống quản lý tích hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2019 và việc triển khai đánh giá hiệu quả công việc qua KPIs đã từng bước phát huy hiệu quả trong công tác quản trị điều hành và nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc và tính chuyên nghiệp của đội ngũ PVOIL.

⚠ **Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Bên cạnh các kết quả đã đạt được, PVOIL vẫn còn những tồn tại, hạn chế sau:

- ✔ Công tác quyết toán cổ phần hóa kéo dài, PVOIL chưa thể triển khai thoái vốn Nhà nước như kỳ vọng. Vướng mắc chủ yếu do thay đổi của Chính phủ về chính sách (thay đổi từ Nghị định 59 sang Nghị định 126, phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa) và cơ quan thẩm quyền chủ trì xử lý (chuyển từ Bộ Công thương sang Ủy ban quản lý vốn Nhà nước) và chậm trễ trong công tác quyết toán cổ phần hóa Petec.

- ✓ Công tác đầu tư phát triển CHXD chậm so với kế hoạch do các thủ tục đầu tư theo quy định của Nhà nước còn phức tạp và Nhà nước còn nắm giữ chi phối tại Tổng công ty.
- ✓ Lợi nhuận hợp nhất chưa đạt kế hoạch và sụt giảm so với cùng kỳ do các nguyên nhân đã được trình bày trong phần II của báo cáo này.
- ✓ Công tác tái cấu trúc các NM NLSH chưa đạt kết quả mong muốn. Nguyên nhân chủ yếu do giá nguyên liệu sản xuất trong những năm gần đây tăng rất cao, trong khi giá sản phẩm Ethanol (E100) không tăng tương ứng nên không đảm bảo hiệu quả để vận hành sản xuất và khó tìm được đối tác nhận chuyển nhượng vốn.

2. Những tiến bộ đạt được trong năm

Để tồn tại và vươn lên phát triển bền vững trong một thị trường cạnh tranh khốc liệt và đầy bất ổn, nội tại doanh nghiệp còn nhiều khó khăn đòi hỏi Ban lãnh đạo PVOIL phải thực sự linh hoạt trong quản lý điều hành để có các đối sách phù hợp, đồng thời phải không ngừng tìm tòi đổi mới sáng tạo để tìm kiếm cơ hội phát triển, khẳng định vị thế. Dấu ấn của PVOIL trong những năm qua và tiếp tục được phát huy hiệu quả trong năm 2019 là thành tựu trong việc đa dạng hóa, hiện đại hóa trong hoạt động kinh doanh và liên tục cải thiện vị thế, uy tín thương hiệu trên thị trường.

2.1. Phát triển các hình thức kinh doanh mới, ứng dụng công nghệ 4.0 để đa dạng hóa hình thức thanh toán

PVOIL là doanh nghiệp đi đầu trên thị trường xăng dầu trong việc sáng tạo các hình thức kinh doanh mới, ứng dụng công nghệ 4.0 để đa dạng hóa hình thức thanh toán.

Chương trình PVOIL Easy



PVOIL Easy là giải pháp ứng dụng Thẻ điện tử (digital card) đọc QR code để xây dựng hệ thống quản lý tập trung, cho phép khách hàng của một đơn vị kinh doanh có thể mua xăng dầu tại bất kỳ CHXD nào của PVOIL trên cả nước và được theo dõi, quản lý một cách đầy đủ qua ứng dụng kiểm soát giao dịch và thanh toán không dùng tiền mặt, không dùng thẻ tín dụng. Chương trình PVOIL Easy còn là công cụ quản lý, cung cấp các dịch vụ chăm sóc khách hàng, các chương trình khuyến mại

nhằm gia tăng lợi ích cho khách hàng là các doanh nghiệp có nhiều phương tiện vận tải hoạt động trên các tuyến quốc lộ và các tỉnh, thành phố.

Hiện nay chương trình PVOIL Easy đã được ứng dụng tại trên 600 CHXD trực thuộc PVOIL và của Công ty COMECO. Sản lượng thực hiện năm 2019 gấp hơn 4 lần so với năm 2018, trung bình sắp xỉ 4.000 m³/tháng, tương đương sản lượng bán bình quân của 35 CHXD trực thuộc PVOIL. Trung bình mỗi phút phát sinh 2 giao dịch PVOIL Easy ghi nhận trên hệ thống.

Chương trình PVOIL Easy thúc đẩy gia tăng sản lượng bán lẻ xăng dầu, tiết kiệm chi phí quản lý, chi phí vận hành CHXD, nâng cao hiệu quả bán



lễ, khẳng định hướng đi mới đầy tiềm năng của Tổng công ty.

Trong năm 2019, PVOIL đã tiếp tục hoàn thiện và mở rộng chương trình PVOIL Easy, bổ sung chức năng & tích hợp nhiều hình thức thanh toán điện tử để hướng tới đối tượng khách hàng cá nhân như: như GotIt, ViettelPay, MoMo, VCB và các ngân hàng.



Triển khai thử nghiệm PVOIL Mobile



PVOIL Mobile là xe bồn cấp phát có gắn trụ bơm với mục tiêu cung cấp xăng dầu đến tận nơi cho khách hàng tại các khu công nghiệp, các công trình xây dựng, khai thác mỏ, các doanh nghiệp vận tải/ logistics..., đồng thời có thể vận hành như xe bồn thông thường, vận chuyển xăng dầu đến các CHXD. Đây là một hình thức bán hàng mới, mang tính đột phá được PVOIL triển khai thử nghiệm với vốn đầu tư ban đầu thấp (khoảng 1 tỷ đồng/xe) và mang lại hiệu quả cao. Sản lượng PVOIL Mobile đạt bình quân 59 m3/xe/tháng (cao nhất là 140 m3/xe/tháng), tăng

20% so với thực hiện năm 2018.

Dự án Hóa đơn điện tử



Dự án Hệ thống hóa đơn điện tử vận hành chính thức từ 01/7/2019 đã đáp ứng yêu cầu quản lý của cơ quan nhà nước, phục vụ nhanh chóng & an toàn nhu cầu về hóa đơn xăng dầu của khách hàng. Tính đến tháng 01/2020, toàn bộ hệ thống TCT đã phát hành hơn 350.000 hóa đơn điện tử tại 80 điểm phát hành có mã số thuế khác nhau. Trung bình mỗi ngày phát hành hơn 2.000 hóa đơn điện tử.

2.2. Nâng tầm thương hiệu PVOIL

Với hàng loạt hoạt động quảng bá dưới nhiều hình thức thiết thực và hiệu quả kết hợp với việc liên tục cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng, hình ảnh thương hiệu PVOIL đã trở nên quen thuộc với người tiêu dùng cả nước, ngày càng khẳng định uy tín trên thị trường về sản phẩm và chất lượng dịch vụ. Năm 2019 PVOIL lọt vào top **“50 thương hiệu dẫn đầu”** (đứng hạng 41) và top **“100 doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn”** tại Việt Nam theo bình chọn của tạp chí Forbes Việt Nam.

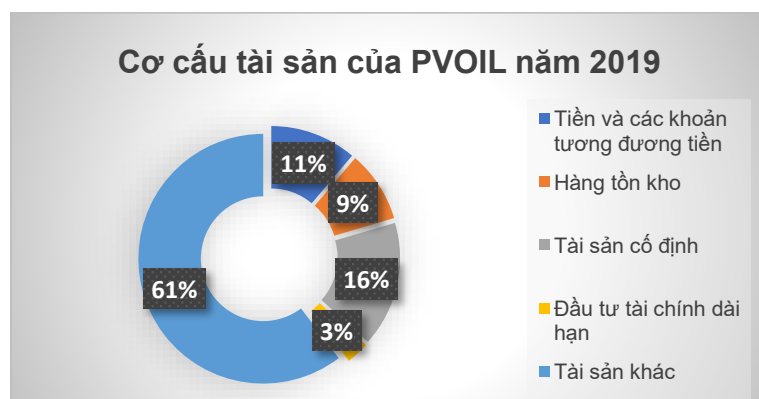


3. Tình hình tài chính

3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn

Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản	2018		2019	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.215.523.791.104	13%	2.966.080.861.563	11%
Hàng tồn kho	1.607.018.334.963	7%	2.447.627.060.063	9%
Tài sản cố định	4.505.722.944.260	18%	4.304.768.026.206	16%
Đầu tư tài chính dài hạn	834.819.000.855	3%	786.240.305.526	3%
Tài sản khác	14.500.917.272.282	59%	15.976.174.204.680	60%
Cộng tài sản	24.664.001.343.464	100%	26.480.890.458.038	100%



Tổng tài sản hợp nhất của PVOIL tại thời điểm 31/12/2019 là 26.481 tỷ đồng, tăng 1.817 tỷ đồng (7%) so với đầu năm 2019. Trong đó tài sản ngắn hạn 20.106 tỷ đồng chiếm 76%, tài sản dài hạn 6.375 tỷ đồng chiếm 24%.

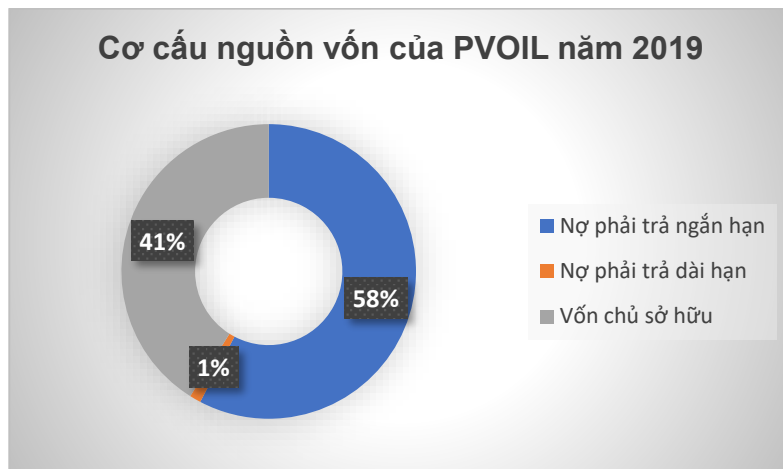
Tài sản ngắn hạn tăng 2.101 tỷ đồng so với cuối năm 2018, chủ yếu tăng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và hàng tồn kho; Tài sản dài hạn giảm 284 tỷ

đồng, chủ yếu ở chỉ tiêu tài sản cố định do trích khấu hao trong kỳ.

Nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn	2018		2019	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Nợ phải trả ngắn hạn	13.697.325.774.858	56%	15.278.456.354.144	58%
Nợ phải trả dài hạn	310.725.433.101	1%	330.100.307.794	1%
Vốn chủ sở hữu	10.655.950.135.505	43%	10.872.333.796.100	41%
Cộng nguồn vốn	24.664.001.343.464	100%	26.480.890.458.038	100%

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019 là 10.872 tỷ đồng, tăng 216 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2019 từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh trong năm.



3.2. Tình hình Nợ phải trả

Tổng nợ phải trả hợp nhất thời điểm 31/12/2019 là 15.609 tỷ đồng, tăng 1.601 tỷ đồng (11%) so với thời điểm đầu năm, tập trung chủ yếu ở chỉ tiêu nợ ngắn hạn. Cụ thể:

- Phải trả người bán ngắn hạn 4.896 tỷ đồng, trong đó: Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn 1.588 tỷ đồng, Lukoil Asia Pacific Pte Ltd 1.185 tỷ đồng, Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) 557 tỷ đồng, Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn – Tập đoàn DKVN 264 tỷ đồng, Conocophillips (UK) Cuu Long Limited 212 tỷ đồng, Horizon Petroleum Limited 151 tỷ đồng, Korea National Oil Corporation 130 tỷ đồng, BP Singapore Pte Ltd 110 tỷ đồng...;
- Phải trả ngắn hạn khác 4.832 tỷ đồng chủ yếu là các khoản thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất nhập khẩu ủy thác, tiền thu từ Cổ phần hóa phải chuyển trả về Tập đoàn và Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp...;
- Vay và nợ ngắn hạn 4.710 tỷ đồng;
- Quỹ Bình ổn giá xăng dầu -199 tỷ đồng được trích lập, sử dụng theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 và số 90/2016/TTLT-BCT-BTC ngày 24/06/2016 do liên Bộ Công thương – Tài chính ban hành;
- Các khoản phải trả khác bao gồm tiền thuế, lương và các khoản phải trả khác chưa đến hạn... tổng số 1.370 tỷ đồng.

4. Kế hoạch SXKD năm 2020

4.1. Dự báo tình hình

Năm 2020, giá dầu thô và xăng dầu dự báo tiếp tục diễn biến khó lường, phụ thuộc vào các yếu tố địa chính trị trên thế giới. Chỉ trong một thời gian ngắn, do tác động tiêu cực từ đại dịch Corona - Covid 19, giá dầu thô liên tục lao dốc, giảm khoảng 70% so với thời điểm đầu năm, xuống mức thấp nhất trong vòng 4 năm qua.

Kinh tế toàn cầu và trong nước dự báo khó đạt được mức tăng trưởng kỳ vọng tại thời điểm đầu năm (Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 6,8% trong năm 2020) vì nhiều hoạt động bị ngưng trệ kéo dài do ảnh hưởng của dịch bệnh. Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu suy giảm mạnh (giảm khoảng 20%).

Về điều hành KDXD, Chính phủ tiếp tục duy trì biên độ điều chỉnh giá 15 ngày và thông qua các công cụ thuế, quỹ bình ổn giá và nỗ lực kiểm soát thị trường bằng nhiều giải pháp. Nghị định 83/2014/CP có khả năng được điều chỉnh theo hướng siết chặt và bất lợi hơn cho các doanh nghiệp đầu mối KDXD.

Thị trường trong nước ngày càng gia tăng cạnh tranh do có thêm các đầu mối và thương nhân phân phối được cấp phép mới, tình trạng kinh doanh trái phép vẫn diễn biến phức tạp.

NMLD Dung Quất sẽ ngưng hoạt động để bảo dưỡng khoảng 50 ngày từ cuối quý 2/2020 và NMLD Nghi Sơn chưa thực sự hoạt động ổn định sẽ gây thêm khó khăn cho doanh nghiệp trong năm.

Thanh toán không tiền mặt đang là xu hướng tất yếu hiện nay nhằm đảm bảo an ninh, an toàn và tiện ích cho người sử dụng.

4.2. Nhiệm vụ trọng tâm

-  **Lĩnh vực Dầu thô:** đảm bảo xuất khẩu/bán toàn bộ khối lượng dầu thô/condensate khai thác được trong và ngoài nước an toàn, hiệu quả; cung cấp đầy đủ dầu thô từ nguồn trong nước cho NMLD Dung Quất.
-  **Sản xuất xăng dầu:** Sản xuất E5 RON 92, dầu mỡ nhờn thương hiệu PVOIL với mục tiêu gia tăng sản lượng đi đôi với chất lượng và hiệu quả pha chế, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của hệ thống và cung ứng cho các doanh nghiệp đầu mối khác.
-  **Kinh doanh xăng dầu:** Giữ ổn định thị phần, hệ thống phân phối, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu, đảm bảo an toàn và hiệu quả;; Tập trung gia tăng tỷ trọng bán vào các kênh tiêu thụ trực tiếp, đẩy mạnh phát triển các hình thức thanh toán điện tử.
-  **Công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp:** Đẩy mạnh tái cấu trúc, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị thành viên KDXD nhằm tối ưu hoạt động và hiệu quả doanh nghiệp; Tiếp tục hỗ trợ đảm bảo an toàn tài sản tại các nhà máy NLSH song song với việc triển khai các giải pháp tái cấu trúc; Hoàn tất quyết toán cổ phần hóa PVOIL và xúc tiến thoái vốn nhà nước ngay sau đó.
-  **Công tác đầu tư phát triển hệ thống:** Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển CHXD dưới nhiều hình thức. Xúc tiến triển khai các dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD.
-  **Công tác quản trị hệ thống:** Tăng cường hiệu quả công tác quản lý dòng tiền và công nợ, tiết giảm chi phí; tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD và tổng kho xăng dầu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành.

4.3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

Các chỉ tiêu sản lượng và tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2020	So với TH 2019
I	Các chỉ tiêu sản lượng			
1	Sản lượng xuất khẩu/bán dầu thô (bao gồm cung cấp cho NMLD Dung Quất)	1000 tấn	8.890	80%
2	SX xăng dầu, dầu mỡ nhờn	1000 m3/tấn	604	100%
3	Sản lượng kinh doanh xăng dầu	1000 m3/tấn	3.250	102%
	Tỷ trọng bán lẻ	%	27%	Tăng 0,6 điểm %
II	Các chỉ tiêu tài chính			
II.1	Các chỉ tiêu hợp nhất			
1	Doanh thu (**)	Tỷ đồng	52.200	65%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	470	114%
3	Lợi nhuận sau thuế		376	108%
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	8.260	71%
II.2	Công ty mẹ			
1	Doanh thu (**)	Tỷ đồng	32.200	100%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	350	102%
3	Lợi nhuận sau thuế		280	88%

(**) Doanh thu tạm tính theo giá dầu thô 60 USD/thùng

Kế hoạch đầu tư XDCB

PVOIL tiếp tục tập trung đầu tư phát triển hệ thống CHXD bán lẻ dưới nhiều hình thức và nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh xăng dầu trong năm 2020 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	So với TH 2019
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng		96	165%
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD (*)	39 CHXD	99	55%
3	Đầu tư, mua sắm khác		110	133%
	TỔNG CỘNG		305	95%
	Trong đó: - Công ty mẹ		111	85%
	- Công ty con		194	103%
	Đầu tư từ nguồn vốn CSH		203	77%

(*) CHXD được phát triển mới theo các hình thức: xây mới, nhận chuyển nhượng, thuê dài hạn, hợp tác kinh doanh. Giá trị đầu tư kế hoạch được ghi nhận đối với các cửa hàng đầu tư theo hình thức xây mới và nhận chuyển nhượng, đối với CHXD thuê dài hạn, hợp tác kinh doanh chi phí liên quan được tính vào chi phí SXKD.

Các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 của PVOIL nêu trên được xây dựng trên cơ sở dự báo thị trường tại thời điểm cuối năm 2019 với giá dầu thô dự báo 60 USD/thùng.

Tuy nhiên, từ cuối tháng 1/2020, dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 bùng phát và ngày càng diễn biến phức tạp, đã và đang ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội trên phạm vi toàn cầu. Giá dầu thô và giá các sản phẩm dầu thế giới đều giảm mạnh từ cuối tháng 1/2020 và hiện tại giá dầu thô Brent DTD đã xuống dưới 20 USD/thùng, giảm hơn 70% so với thời điểm cuối năm 2019 do nhu cầu của thị trường giảm bởi tác động ngày càng sâu rộng và chưa được kiểm soát của dịch Covid-19 tại nhiều quốc gia trên thế giới.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước cũng giảm mạnh khi: (i) Người dân hạn chế đi lại, du lịch, học sinh, sinh viên được cho nghỉ học, các lễ hội trên khắp cả nước và các hoạt động vui chơi, tụ tập đông người không tổ chức,...; (ii) Các phương tiện giao thông vận tải đường thủy, đường bộ, đường hàng không đều giảm hoạt động; (iii) Nhiều nhà máy, xí nghiệp vận hành cầm chừng, nhiều khả năng phải ngừng hoạt động trong thời gian tới do thiếu nguyên liệu nếu dịch bệnh kéo dài.

Đối với PVOIL và các đơn vị thành viên PVOIL, tác động kép của cuộc khủng hoảng do dịch bệnh Covid-19 và suy giảm giá dầu đã làm sản lượng kinh doanh sụt giảm khoảng 20% so với cùng kỳ - là mức sụt giảm chưa từng xảy ra trước đây và dự kiến sẽ tiếp tục kéo dài; chi phí kinh doanh bình quân trên đơn vị sản phẩm tăng trong khi vẫn phải tăng chiết khấu để bán hàng và phát sinh lỗ do giảm giá hàng tồn kho khi giá bán lẻ liên tục giảm mạnh.

Mặc dù sản lượng chung bị sụt giảm, PVOIL vẫn khai thác hiệu quả các thế mạnh kinh doanh của mình thông qua chương trình PVOIL Easy. Sản lượng bán qua PVOIL Easy tiếp tục tăng trưởng tốt (sản lượng giao dịch tháng 3/2020 tăng 12% so với tháng 12/2019) nhờ ưu điểm hạn chế nguy cơ lây nhiễm bệnh và cũng chứng tỏ phương thức thanh toán không tiền mặt đang là xu hướng tất yếu hiện nay.

Trước tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu sụt giảm dự báo còn kéo dài trong các tháng tiếp theo đã xây dựng các kịch bản về sản lượng tiêu thụ và giá dầu kế hoạch năm 2020 như sau:

Kịch bản 1: Các khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và suy giảm giá dầu chỉ tác động trong ngắn hạn (quý I và quý II/2020); giá dầu và nhu cầu tiêu thụ xăng dầu của thị trường sẽ phục hồi trong 2 quý còn lại. Cụ thể:

- ✓ Giá dầu phục hồi và tăng trưởng từ nửa cuối quý II/2020, dầu Brent trung bình cả năm đạt mức 45-50 USD/thùng.
- ✓ Tổng sản lượng kinh doanh của PVOIL sụt giảm tới 10% so với dự kiến kế hoạch.

Kịch bản 2: Các khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và suy giảm giá dầu tác động kéo dài hết quý III/2020, giá dầu và nhu cầu tiêu thụ xăng dầu của thị trường sẽ phục hồi trong quý IV. Cụ thể:

- ✓ Giá dầu phục hồi chậm, dầu Brent trung bình cả năm đạt mức 30-40 USD/thùng.
- ✓ Tổng sản lượng kinh doanh của PVOIL sụt giảm tới 20% so với dự kiến kế hoạch.

Kịch bản 3: Các khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và suy giảm giá dầu tác động sâu rộng đến kinh tế toàn cầu và Việt Nam. Các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp sẽ phải đóng cửa, dừng vận hành do thiếu nguyên liệu; nền kinh tế bị đình trệ; Nhà nước phong tỏa, hạn chế đi lại trên diện rộng do ảnh hưởng của dịch bệnh... làm sụt giảm nghiêm trọng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu. Cụ thể:

- ✓ Giá dầu tiếp tục giảm sâu và chưa phục hồi, dầu Brent trung bình cả năm đạt mức 20-25 USD/thùng.

- ✓ Tổng sản lượng kinh doanh sụt giảm tới 30% và thậm chí hơn 30% so với dự kiến kế hoạch.

PVOIL dự kiến sẽ báo cáo ĐHCĐ thường niên ủy quyền cho HĐQT cập nhật kế hoạch SXKD 2020 chi tiết phù hợp với thực tế tình hình dịch bệnh và các kịch bản giá dầu.

4.4. Các giải pháp SXKD ứng phó với dịch bệnh Covid-19 và giá dầu suy giảm

Để ứng phó với tình hình khủng hoảng do tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và suy giảm giá dầu, PVOIL đã ban hành Chỉ thị số 1162/CT-DVN ngày 05/3/2020 về việc “Sáng tạo, quyết liệt triển khai các giải pháp sản xuất, kinh doanh và tiết kiệm, chống lãng phí để hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2020”, bao gồm: i) Sử dụng hợp lý, tối đa mọi nguồn lực, tập trung thực hiện các giải pháp để hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch năm 2020; ii) Đẩy mạnh thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, tiết giảm chi phí hoạt động. Cụ thể:

✚ **Về nhóm giải pháp kinh doanh:** PVOIL theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường và điều hành của Nhà nước để linh hoạt trong các khâu tạo/cấp nguồn xăng dầu cho các đơn vị kinh doanh; đặc biệt, lượng tồn kho luôn được kiểm soát hết sức chặt chẽ nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do giảm giá hàng tồn kho; tìm mọi giải pháp sáng tạo nhằm duy trì và chặn đà sụt giảm sản lượng bán hàng và tối ưu hiệu quả kinh doanh trong toàn bộ các khâu pha chế, vận chuyển, giao nhận, tồn chứa. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản trị rủi ro toàn hệ thống.

✚ **Về nhóm giải pháp thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, tiết giảm chi phí hoạt động:** PVOIL triển khai kiểm soát chặt chi phí phát sinh; giãn/ giảm các chi phí không trực tiếp liên quan đến sản xuất kinh doanh, ưu tiên cho các chi phí giúp gia tăng sản lượng và hiệu quả kinh doanh; giãn/ dừng triển khai các hạng mục duy tu sửa chữa, bảo dưỡng chưa thực sự cấp bách; tiết giảm tối đa các chi phí công tác, khánh tiết, hội họp; giãn/ giảm các sự kiện, hội nghị, các hoạt động quảng cáo... Đặc biệt, tất cả người lao động cùng đồng thuận giảm lương tháng tới 25% nhằm chia sẻ khó khăn với Công ty. Thời gian áp dụng từ tháng 3/2020 đến tháng 6/2020 hoặc tiếp tục điều chỉnh theo diễn biến thực tế của tình hình kinh doanh. Kế hoạch tiết giảm chi phí theo 03 kịch bản như sau:

- ✓ Kịch bản 1: Tiết giảm chi phí 116 tỷ đồng, tương đương 10% tổng chi phí kế hoạch.
- ✓ Kịch bản 2: Tiết giảm chi phí 149 tỷ đồng, tương đương 13% tổng chi phí kế hoạch.
- ✓ Kịch bản 3: Tiết giảm chi phí 191 tỷ đồng, tương đương 16% tổng chi phí kế hoạch.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của PVOIL do công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán. Theo đó, báo cáo có 03 điểm loại trừ của đơn vị kiểm toán và ý kiến giải trình của Ban Tổng giám đốc như sau:

Ý kiến của kiểm toán: “Nhu trình bày tại Thuyết minh số 07 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang ghi nhận phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (“PETEC” - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Chúng tôi chưa có đủ thông tin về giá trị quyết toán và khoản chênh lệch (nếu có) so với giá trị ghi nhận trên khoản mục phải thu khác này ở kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 (ngày Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán đó. Chúng tôi cũng chưa có đủ các

thông tin nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không”.

Giải trình của PVOIL: Đây là khoản lỗ trong giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 30/6/2010) đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (ngày 18/05/2011) tại Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC), đang chờ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần của Tổng công ty PETEC.

Ý kiến của kiểm toán: “Nhu trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm giá trị của các lô đất tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa chuyển quyền sử dụng đất sang tên PVOIL Sài Gòn và chưa được gia hạn thời gian sử dụng đất với tổng số tiền là 32.415.453.930 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 60.167.359.356 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sử dụng và thời gian sử dụng các lô đất này ở kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 (ngày Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán đó. Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sử dụng và thời gian sử dụng các lô đất này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không”.

Giải trình của PVOIL: PVOIL Sài Gòn đã khắc phục tình hình hoàn thiện các thủ tục đất đai, từ giá trị các lô đất theo ý kiến ngoại trừ của kiểm toán 60.167.359.356 đồng (năm 2018) giảm xuống còn 32.415.453.930 đồng (năm 2019).

Đây là giá trị các lô đất do PVOIL Sài Gòn mua để đầu tư, xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu nhưng chưa hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng sang tên PVOIL Sài Gòn hoặc chưa gia hạn thời gian thuê do các nguyên nhân sau: i) Còn mang tên Xí nghiệp XDDK Sài Gòn (là đơn vị tiền thân của PVOIL Sài Gòn) chưa hoàn thành thủ tục chuyển đổi tên; ii) Chưa hoàn thành thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất SXKD nên chưa chuyển quyền sử dụng đất sang PVOIL Sài Gòn; iii) Đã hết thời hạn thuê nhưng PVOIL Sài Gòn chưa làm xong thủ tục với địa phương để ký hợp đồng thuê đất mới.

Ý kiến của kiểm toán: “Nhu trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (công ty liên kết của Tổng Công ty) được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất với giá trị là 279.094.330.000 VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán về những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào tài sản thuần của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí sau ngày mua khoản đầu tư, theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không”.

Giải trình của PVOIL: Khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí tại Phú Thọ đã phát sinh từ trước khi cổ phần hóa PVOIL. Theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.

PVOIL đã có văn bản trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc triển khai phương án phá sản Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí; văn bản đề xuất được xác định lại khoản đầu tư này về mức 0 đồng khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa (được hiểu là loại khoản đầu tư này ra khỏi công ty cổ phần). Trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản dự án, nếu có phát sinh thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, PVOIL sẽ nộp toàn bộ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Vấn đề này đã

được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xin ý kiến xử lý của Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong công văn số 3540/DKVN-HĐTV ngày 01 tháng 7 năm 2019 về sắp xếp lại, xử lý nhà đất và khó khăn vướng mắc trong quyết toán cổ phần hóa PVOIL. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, PVOIL vẫn chưa nhận được phản hồi từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ủy Ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và các cơ quan có thẩm quyền về việc triển khai phương án phá sản Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí.

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Mặc dù gặp phải rất nhiều khó khăn và thách thức từ môi trường khách quan, Tổng công ty Dầu Việt Nam vẫn luôn bám sát các nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

- ✓ Xuất khẩu/bán an toàn, hiệu quả toàn bộ khối lượng dầu thô/condensate khai thác được trong và ngoài nước; cung cấp đầy đủ dầu thô cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất;
- ✓ Giữ ổn định thị phần, hệ thống phân phối, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu, tập trung gia tăng tỷ trọng bán vào các kênh tiêu thụ trực tiếp;
- ✓ Tiếp tục triển khai tái cấu trúc theo kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty Dầu Việt Nam giai đoạn 2016-2020;
- ✓ Đầu tư phát triển cửa hàng xăng dầu phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Dầu Việt Nam;
- ✓ Xây dựng kế hoạch và giải pháp để tái cơ cấu và nâng cao hiệu quả hoạt động toàn bộ hệ thống cửa hàng xăng dầu;
- ✓ Tăng cường công tác quản lý chi phí, hạ giá thành sản phẩm; Tăng cường công tác quản trị hệ thống, phát triển thương hiệu Tổng công ty Dầu Việt Nam.

Bằng những cố gắng và nỗ lực của toàn hệ thống, Tổng công ty Dầu Việt Nam đã hoàn thành các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản được ĐHĐCĐ giao phó.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- ✚ Kết quả SXKD năm 2019 đạt được trong bối cảnh thị trường xăng dầu tiếp tục diễn biến phức tạp đã góp phần giữ vững sự ổn định, củng cố niềm tin từ người lao động, đối tác, khách hàng của Tổng công ty. Có được kết quả này là nhờ Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã chủ động trong công tác điều hành, có nhiều giải pháp sáng tạo, hiệu quả ứng phó với diễn biến phức tạp của giá cả xăng dầu thế giới và thị trường xăng dầu trong nước; nghiên cứu triển khai thêm các phương thức bán hàng, nhiều hình thức thanh toán mới; hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty theo đúng nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT.
- ✚ Trong quá trình điều hành hoạt động của Tổng công ty, Ban điều hành đã tuân thủ theo đúng phân cấp tại Điều lệ và các qui định nội bộ của Tổng công ty; Tổng Giám đốc luôn triển khai đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- ✚ Tổng giám đốc tổ chức thực hiện nghiêm túc các qui định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết.

3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2020

Năm 2020, kế hoạch hoạt động của HĐQT sẽ tập trung vào các vấn đề sau:

- ✔ Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu SXKD theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; tập trung các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp tục cải thiện hiệu quả SXKD của Tổng công ty; xem xét/chỉ đạo việc tổ chức lại hệ thống kinh doanh xăng dầu, nghiên cứu và áp dụng thêm nhiều phương thức kinh doanh mới nhằm gia tăng sản lượng xăng dầu qua kênh bán lẻ và khách hàng công nghiệp; triển khai các giải pháp mang tính sáng tạo/khả thi nhằm giữ ổn định thị phần, hệ thống phân phối, đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh xăng dầu, đảm bảo tính hiệu quả và an toàn tuyệt đối trong hoạt động của toàn hệ thống.
- ✔ Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý chi phí, hạ giá thành/giá vốn hàng hóa để nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng hiệu quả hoạt động từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên để đảm bảo việc quản lý, huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, chặt chẽ, an toàn và hiệu quả.
- ✔ Công tác tái cấu trúc: HĐQT Tổng công ty tiếp tục chỉ đạo/giao nhiệm vụ cho Người đại diện tại các Đơn vị thành viên bám sát kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty được Tập đoàn phê duyệt để xây dựng phương án, giải pháp trình Tổng công ty, đảm bảo công tác tái cấu trúc được thực hiện có hiệu quả, chất lượng và đúng tiến độ. Bên cạnh đó, bản thân HĐQT nói riêng và ban lãnh đạo Tổng công ty nói chung tiếp tục bằng mọi quan hệ và uy tín cá nhân của mỗi thành viên để tìm kiếm đối tác, quyết liệt đẩy mạnh công tác tái cấu trúc, đặc biệt là tìm kiếm những giải pháp phù hợp để xử lý dứt điểm việc thoái vốn tại các công ty hoạt động ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty, nhằm tập trung nguồn lực nâng cao hiệu quả hoạt động tại Công ty mẹ cũng như các công ty thành viên của Tổng công ty.
- ✔ Công tác quyết toán CPH PVOIL: Tiếp tục tập trung chỉ đạo công tác quyết toán cổ phần hóa để sớm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- ✔ Tái cơ cấu tài sản: Chỉ đạo tiếp tục rà soát, sắp xếp, bố trí lại cơ cấu sức chứa, cơ cấu bồn bể; Tăng năng lực tồn chứa, khả năng xuất nhập ở những kho có lợi thế; chuyển nhượng hoặc cho thuê sức chứa nhằm tăng cường tính hiệu quả trong việc sử dụng/khai thác tài sản.
- ✔ Công tác đầu tư: Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh việc triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm 2019, đảm bảo tiến độ và hiệu quả; Chỉ đạo công tác đầu tư phát triển CHXD trong toàn hệ thống phù hợp với chiến lược SXKD của Tổng công ty; Chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng đề án phát triển kinh doanh nhiên liệu bay Jet A1.
- ✔ Công tác quản lý tài chính, quản trị rủi ro: Tiếp tục chỉ đạo sâu sát công tác quản lý tài chính, quản trị rủi ro trong toàn hệ thống, nhằm tăng cường hiệu quả công tác cân đối vốn, dòng tiền và quản lý công nợ, kiên quyết không để phát sinh nợ xấu mới, có các giải pháp để đẩy mạnh việc thu hồi nợ tồn đọng, khó đòi, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và thực hiện đầy đủ các biện pháp quản trị rủi ro theo quy định.
- ✔ Các Nhà máy NLSH: i) Chỉ đạo Người đại diện vốn tại BSR-BF trước mắt tập trung phương án gia công, làm dịch vụ cho bên ngoài, đồng thời bám sát diễn biến nguyên

vật liệu đầu vào, tính toán các phương án giá thành và hiệu quả kinh doanh để sẵn sàng vận hành sản xuất khi tình hình thị trường thuận lợi, đồng thời tiếp tục triển khai chủ trương thoái vốn tại các đơn vị này. ii) Trong thời gian chờ ý kiến của Tập đoàn về phương án phá sản PVB và phương án bàn giao tài sản của OBF theo yêu cầu của ngân hàng, Tổng công ty sẽ chỉ đạo Người đại diện vốn tại PVB và OBF làm việc, phối hợp với các cổ đông khác và các bên liên quan thực hiện phương án duy trì bảo vệ các tài sản với mức chi phí tối thiểu.

- ✓ Tiếp tục bám sát các chủ trương của Tập đoàn và bối cảnh tình hình thực tế để xây dựng; sửa đổi, bổ sung kịp thời chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho phù hợp.
- ✓ Chỉ đạo tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực quản trị trong toàn hệ thống; đẩy mạnh triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành và kiểm soát hệ thống nhằm nâng cao tính minh bạch, công khai và hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

PHẦN V

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Thông điệp phát triển bền vững
- Nguyên tắc hoạt động với các bên liên quan
- Công tác ATSKMT
- Tình hình sử dụng nước và năng lượng
- Tuân thủ về môi trường
- Báo cáo các vấn đề về xã hội

1. Thông điệp phát triển bền vững

Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm và trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu. Phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới. Điều này càng được chú trọng hơn đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu – một sản phẩm thiết yếu nhưng lại tiềm ẩn nhiều rủi ro ô nhiễm.

Ngay từ những ngày đầu thành lập PVOIL đã kiên định mục tiêu phát triển Tổng công ty một cách bền vững, phát triển kinh doanh đi cùng với bảo vệ môi trường và làm tròn trách nhiệm với xã hội, cộng đồng. Thể hiện cụ thể qua chiến lược phát triển đối với sản phẩm, con người và thực thi trách nhiệm với cộng đồng của Tổng công ty.



Về sản phẩm, ý thức sâu sắc trách nhiệm trong việc gìn giữ bảo vệ môi trường sống, PVOIL là đơn vị tiên phong cả nước giúp Chính phủ từng bước triển khai lộ trình đưa xăng sinh học E5 ra thị trường để thay thế xăng truyền thống. Xăng sinh học E5 đã được PVOIL đưa vào kinh doanh từ 01/8/2010 và từng bước mở rộng tiêu thụ trong hệ thống phân phối của mình. Sau nhiều năm kiên trì đeo đuổi, nỗ lực tuyên truyền lợi ích của việc sử dụng loại sản phẩm “xanh” và thuyết phục người tiêu dùng bằng chính sản phẩm chất lượng của mình, xăng sinh học E5 đã được Chính phủ quyết định đưa vào kinh doanh thay thế hoàn toàn A92 kể từ ngày 01/01/2018 và được người tiêu dùng đón nhận.

Với yếu tố con người,

PVOIL xác định đây vừa là mục tiêu, vừa là nguồn lực để phát triển. Vì vậy, Tổng công ty có chiến lược chăm lo, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực bền vững, bao gồm kiến tạo nên môi trường văn hóa doanh nghiệp vừa có nền tảng vững chắc vừa có bản sắc riêng. Đó là môi trường rèn luyện, tôn trọng sự khác biệt để phát huy sáng tạo và luôn luôn đổi mới tư duy để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng.



Đối với cộng đồng, PVOIL xác định sự công nhận của cộng đồng chính là thước đo chuẩn xác cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty. Vì vậy, PVOIL luôn đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, đồng thời thực thi trách nhiệm với xã hội, cộng đồng thông qua nhiều hoạt động thiết thực bằng cả tấm lòng.

2. Nguyên tắc hoạt động của PVOIL đối với các bên liên quan

	Đối với nhân viên Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và thân thiện cùng với chính sách đãi ngộ tương xứng với đóng góp của người lao động. PVOIL đang nỗ lực từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tính chuyên nghiệp của đội ngũ lao động thông qua đào tạo, giao và đánh giá công việc bằng KPI
	Đối với khách hàng PVOIL đảm bảo cung cấp sản phẩm chất lượng và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. PVOIL là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực phát triển kinh doanh xăng sinh học E5 thay thế nhiên liệu hóa thạch, góp phần giảm phát thải, bảo vệ môi trường. Sản phẩm xăng dầu, dầu mỡ nhờn và nhiên liệu sinh học mà PVOIL cung ứng ra thị trường luôn đảm bảo tuyệt đối về chất lượng và đầy đủ về số lượng. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã và sẽ tiếp tục duy trì trong toàn hệ thống các chương trình hành động thiết thực như 1114 và 808 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu
	Đối với cổ đông và nhà đầu tư PVOIL luôn hướng tới mục tiêu tối đa hóa giá trị doanh nghiệp với các nỗ lực hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Đồng thời, cung cấp đầy đủ, kịp thời, công khai minh bạch thông tin về tình hình hoạt động của Tổng công ty thông qua các buổi hội thảo, các kênh truyền thông, website và các phương tiện công bố thông tin theo quy định.
	Đối với đối tác kinh doanh Tổng công ty giữ nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng
	Đối với cộng đồng và xã hội Tổng công ty luôn cam kết thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội bên cạnh việc quan tâm và đảm bảo trách nhiệm với người lao động. PVOIL đã tạo lập quỹ “PVOIL chung một tấm lòng” và duy trì hoạt động của Quỹ trong nhiều năm qua với các hoạt động thiết thực hướng về cộng đồng.



PVOIL nằm trong top 10 DN UpCoM thực hiện tốt công bố thông tin và minh bạch

3. Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường (ATSKMT)

3.1. Duy trì hiệu quả Hệ thống ATSKMT



Bộ máy quản lý công tác ATSKMT

- ✓ Bộ máy quản lý công tác ATSKMT tại PVOIL đã được thiết lập, thường xuyên kiện toàn và tổ chức hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ từ Tổng công ty đến các Đơn vị trực thuộc và các Đơn vị thành viên trong toàn hệ thống, từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến chuyên viên chuyên trách/bán chuyên trách.
- ✓ Xây dựng đội ngũ An toàn vệ sinh viên trong toàn Tổng công ty nhằm hỗ trợ trong công tác đảm bảo ATSKMT trong các hoạt động SXKD.



Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý ATSKMT

- ✓ Hệ thống quản lý chất lượng tích hợp (HTQLTH) của PVOIL đã triển khai xây dựng, duy trì và tuân thủ từ năm 2012 trong toàn hệ thống và đã được Viện tiêu chuẩn Anh BSI đánh giá và cấp chứng Hệ thống quản lý An toàn - Môi trường - Chất lượng theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2007/ISO 45001:2018, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 và Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Hệ thống đã được cập nhật, sửa đổi và ban hành mới sau khi PVOIL chính thức chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần phù hợp với yêu cầu của tiêu



Kiểm tra chặt chẽ các quy trình

chuẩn ISO phiên bản mới

- ✓ Việc triển khai các đề án 1114 “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD” và đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu” đã đóng góp tích cực trong việc đảm bảo tuân thủ quy trình nghiệp vụ, thành thạo các quy tắc về an toàn PCCC, an toàn vận hành, sử dụng thành thạo trang thiết bị PCCC và xử lý sự cố tại CHXD và các kho trong toàn hệ thống.

- ✓ Việc duy trì tuân thủ và cải tiến HTQLTH



Kho xăng dầu sạch đẹp, an toàn



CHXD khang trang, quy củ

được PVOIL thực hiện nghiêm túc, thông qua:

- ✓ Công tác kiểm tra, đánh giá nội bộ của Tổng công ty về ATSKMT được duy trì thực hiện hàng năm.
- ✓ Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng tháng đối với Đề án 1114 “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD” và Đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu” với 04 lượt cho tất cả các kho và

CHXD trong hệ thống;

- ✔ Hoạt động đánh giá giám sát định kỳ HTQLTH của Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI): Các phát hiện sự không phù hợp và khuyến nghị cải tiến của BSI đều được theo dõi, lập kế hoạch và triển khai khắc phục, phòng ngừa, cải tiến theo Quy trình khắc phục sự không phù hợp.
- ✔ Đào tạo cho CBCNV về các nội dung liên quan. Trong năm 2019, PVOIL đã đào tạo cho các CBNV làm việc trực tiếp tại khối kho xăng dầu chuyên đề “Nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro”.

3.2. Công tác An toàn - An ninh, PCCC, ứng cứu tình huống khẩn cấp

Trong năm 2019, PVOIL đã triển khai đồng bộ các biện pháp từ phòng ngừa đến sẵn sàng ứng cứu sự cố để đảm an toàn, PCCN trong toàn hệ thống với các hoạt động tiêu biểu sau:



Diễn tập phương án PCCC tại kho xăng dầu

Tất cả các kho, CHXD trong hệ thống PVOIL định kỳ tổ chức diễn tập phương án PCCC, ứng phó sự cố môi trường và cứu nạn thoát hiểm với sự tham gia của lực lượng chức năng địa phương nhằm nâng cao tính sẵn sàng ứng cứu của lực lượng ứng cứu tại chỗ và ý thức an toàn của CBCNV;

Tổng công ty định kỳ tổ chức các khóa đào tạo và diễn tập ứng cứu sự cố tràn dầu, đào tạo và triển khai “Đánh giá an toàn kho cảng” theo thông lệ quốc tế, đào tạo “phối hợp chữa cháy giữa



Diễn tập ứng cứu sự cố tràn dầu

tàu và bờ”, an toàn vệ sinh lao động, diễn tập, thực tập PCCC định kỳ; Bên cạnh các khóa đào tạo về ATSKMT theo quy định pháp luật, PVOIL đã tổ chức thêm 08 khóa huấn luyện “Chỉ huy và triển khai đội hình chữa cháy” và 10 khóa “Tổ chức cứu nạn cứu hộ” tại các kho xăng dầu của PVOIL.

Bên cạnh đó, PVOIL cũng thường xuyên theo dõi và cảnh báo kịp thời về các tình huống thiên tai, bão lụt nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động làm việc tại các Kho/cảng và giảm thiệt hại về tài sản; Ban chỉ đạo Văn phòng tình huống khẩn cấp thực hiện trực điện thoại 24/24 trong các dịp Lễ, Tết hoặc các thời điểm có bão, lũ... nhằm kịp thời chỉ đạo, xử lý các tình huống khẩn

cấp; Tổ chức lực lượng trực ứng cứu tràn dầu trong quá trình xuất nhập hàng hóa tại tất cả các kho trong hệ thống;

Để kiểm tra thực tiễn các kiến thức đã được đào tạo, PVOIL đã tổ chức thành công Hội thi “Chỉ huy và triển khai đội hình chữa cháy” với sự tham gia của 25 kho xăng dầu PVOIL. Hình thức hội thi là bốc thăm ngẫu nhiên đội thi để đảm bảo kết quả phản ánh đúng thực tế, qua đó đánh giá chính xác được công tác PCCC tại đơn vị;

Bên cạnh đó, PVOIL duy trì kiểm tra định kỳ và đột xuất công tác An toàn PCCC tại các kho, CHXD, đảm bảo công tác PCCC được thực hiện nghiêm túc, các trang thiết bị PCCC luôn trong tình trạng sẵn sàng sử dụng khi xảy ra tình huống khẩn cấp



Hội thi “Chỉ huy và triển khai đội hình chữa cháy”

3.3. Chăm sóc sức khỏe người lao động

- ✔ Thực hiện đo kiểm tra môi trường lao động định kỳ và công tác bảo hộ lao động hiệu quả, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp.
- ✔ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBCNV; thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động trực tiếp, và khám chuyên sâu đối với một số trường hợp có nghi ngờ về mắc bệnh nghề nghiệp.
- ✔ Tổng công ty cũng thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc tại Kho cảng/CHXD.
- ✔ Tổ chức và cung cấp các bữa ăn trưa đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm sử dụng cho CBCNV.
- ✔ Ngoài ra, để giúp cho CBCNV có được sự đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện, PVOIL đã áp dụng chính sách mua bảo hiểm PVI Care cho CBCNV để phòng rủi ro cho người lao động yên tâm công tác.

3.4. Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải

- ✔ PVOIL thường xuyên theo dõi, cập nhật triển khai các văn bản pháp luật mới ban hành.
- ✔ Định kỳ giám sát chất lượng môi trường, diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu, quản lý chất thải nguy hại, vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải. Kết quả giám sát môi trường tại các Đơn vị trong năm 2019 đều đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.



Cuộc thi “Đội vận hành giỏi” lần thứ 3

- ✔ Hệ thống xử lý nước thải tại các kho của PVOIL được đầu tư, và nâng cấp và thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng.
- ✔ Thực hiện nghiêm túc việc phân loại chất thải, trang bị các thùng chứa/nhà chứa chất thải nguy hại để thu gom, lưu giữ một cách an toàn.
- ✔ Việc xử lý chất thải nguy hại được giao cho các đơn vị có chức năng thực hiện theo đúng quy định. Năm 2019, các Đơn vị trong hệ thống PVOIL đã thu gom và chuyển giao cho Đơn vị có chức năng xử lý khoảng 160 tấn khối lượng CTNH.

3.5. Xây dựng văn hóa ATSKMT

Cùng với việc sử dụng công nghệ, PVOIL còn quan tâm đến việc tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV thông qua việc tổ chức các hoạt động thiết thực như:

- ✓ Duy trì việc tuyên truyền định kỳ tháng hành động vì an toàn vệ sinh lao động, ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy... Giúp nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về tuân thủ yêu cầu Pháp luật về an toàn – phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và sức khỏe người lao động.



Cuộc thi “Đội vận hành giỏi” lần thứ 3

- ✓ Định kỳ PVOIL Tổ chức các hội thi: Kỹ năng vận hành an toàn kho cảng, Hội thi tay nghề CHXD.

- ✓ Tổ chức cuộc thi An toàn Vệ sinh viên giỏi cấp Tổng công ty và tham gia cuộc thi An toàn Vệ sinh viên giỏi của Công đoàn ngành dầu khí Việt Nam tổ chức.

3.6. Các chỉ số an toàn sức khỏe và nghề nghiệp

Tỷ lệ chấn thương, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ ốm, sự vắng mặt và số trường hợp tử vong có liên quan đến làm việc theo từng khu vực của Tổng công ty trong năm 2019 được thống kê như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
1	Tai nạn lao động		0
	- Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	0
	- Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	0
	- Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, điều trị, trả lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Triệu đồng	0
	- Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền)	Triệu đồng	0
	- Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động	Ngày	0
2	Bệnh nghề nghiệp		0
	- Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người	0
	- Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp	Ngày	0
	- Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp	Người	0
	- Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp,...)	Triệu đồng	0
3	Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động		
	+ Loại I	Người	344
	+ Loại II	Người	963
	+ Loại III	Người	3.915
	+ Loại IV	Người	16
	+ Loại V	Người	7
4	Số ngày nghỉ ốm	Ngày	0

3.7. Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT 2020

Những thành tích đạt được trong năm 2019 đã khẳng định những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty trong công tác đảm bảo ATSKMT, củng cố thương hiệu và hình ảnh của PVOIL vì một tương lai an toàn và phát triển bền vững. Để tiếp tục phát huy thành tích đó PVOIL đã xây dựng một số nhiệm vụ chính trong năm 2020 như sau:

- ✔ Đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của PVOIL an toàn, chất lượng và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về Chất lượng - ATSKMT.
- ✔ Duy trì cập nhật và đánh giá chứng nhận thành công Hệ thống quản lý theo phiên bản mới ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018.
- ✔ Tăng cường đào tạo và tập huấn để bổ sung kiến thức về an toàn ATVSLĐ nhằm đáp ứng yêu cầu Pháp luật và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.
- ✔ Không để xảy ra tai nạn lao động nặng trở lên tại các Đơn vị trong toàn Hệ thống.
- ✔ Không để xảy ra sự cố môi trường bị cơ quan chức năng xử phạt và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
- ✔ Tiếp tục cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho CBCNV trong toàn Tổng công ty.
- ✔ Củng cố lực lượng Ứng cứu khẩn cấp, nâng cao tính sẵn sàng ứng phó sự cố bão lũ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản trong các cơn bão.

4. Báo cáo tình hình sử dụng năng lượng và nước

- ✚ Năng lượng: Tổng lượng điện PVOIL tiêu thụ trong năm 2019 là 8.298.536 kw, tăng 8,5 % so với năm 2018.
- ✚ Nước: Tổng lượng nước PVOIL sử dụng trong sản xuất và kinh doanh năm 2019 là 264.598 m³, giảm 11,1 % so với năm 2018 (297.645 m³).

5. Tuân thủ về môi trường

Ý thức được hoạt động kinh doanh xăng dầu tiềm ẩn nhiều rủi ro cho môi trường, Tổng công ty đã tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp để phòng ngừa và hạn chế rủi ro như:

- ✔ Trang bị đầy đủ thiết bị, bố trí nhân lực đủ năng lực.
- ✔ Tổ chức lực lượng quản lý công tác an toàn, sức khỏe, môi trường và ứng cứu sự cố khẩn cấp tại tất cả các đơn vị trong hệ thống;
- ✔ Xây dựng phương án ứng cứu sự cố tràn dầu và thuê lực lượng ứng cứu chuyên nghiệp tại các kho cảng xăng dầu;
- ✔ Các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu đều đảm bảo được cơ quan chuyên ngành cấp các giấy phép về an toàn, bảo vệ môi trường (Báo cáo Đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước,...) trước khi đi vào hoạt động.
- ✔ Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp về ATSKMT theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018

Trong năm 2019, Tổng Công ty không bị phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6. Báo cáo các vấn đề về xã hội

6.1. Việc làm



Tổng số CBNV PVOIL tính đến ngày 31/12/2019

5.762 người



Tiền lương bình quân tháng của Người lao động

13,3 triệu đồng



Các khoản phúc lợi

- ✓ Thăm quan, nghỉ mát
- ✓ Tổ chức ăn ca, sinh nhật
- ✓ Văn hóa, văn nghệ, thể thao...

Đối với lao động thời vụ: Tổng công ty và các đơn vị thành viên thỏa thuận chi trả tiền lương và chế độ chính sách khác theo hợp đồng lao động; đảm bảo mức tiền lương trả cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng nơi người lao động làm việc.



Không phân biệt đối xử

PVOIL cam kết không phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị, nguồn gốc quốc gia hoặc xuất thân xã hội. Trong năm 2019 không có vụ việc phân biệt đối xử xảy ra tại PVOIL



Không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức

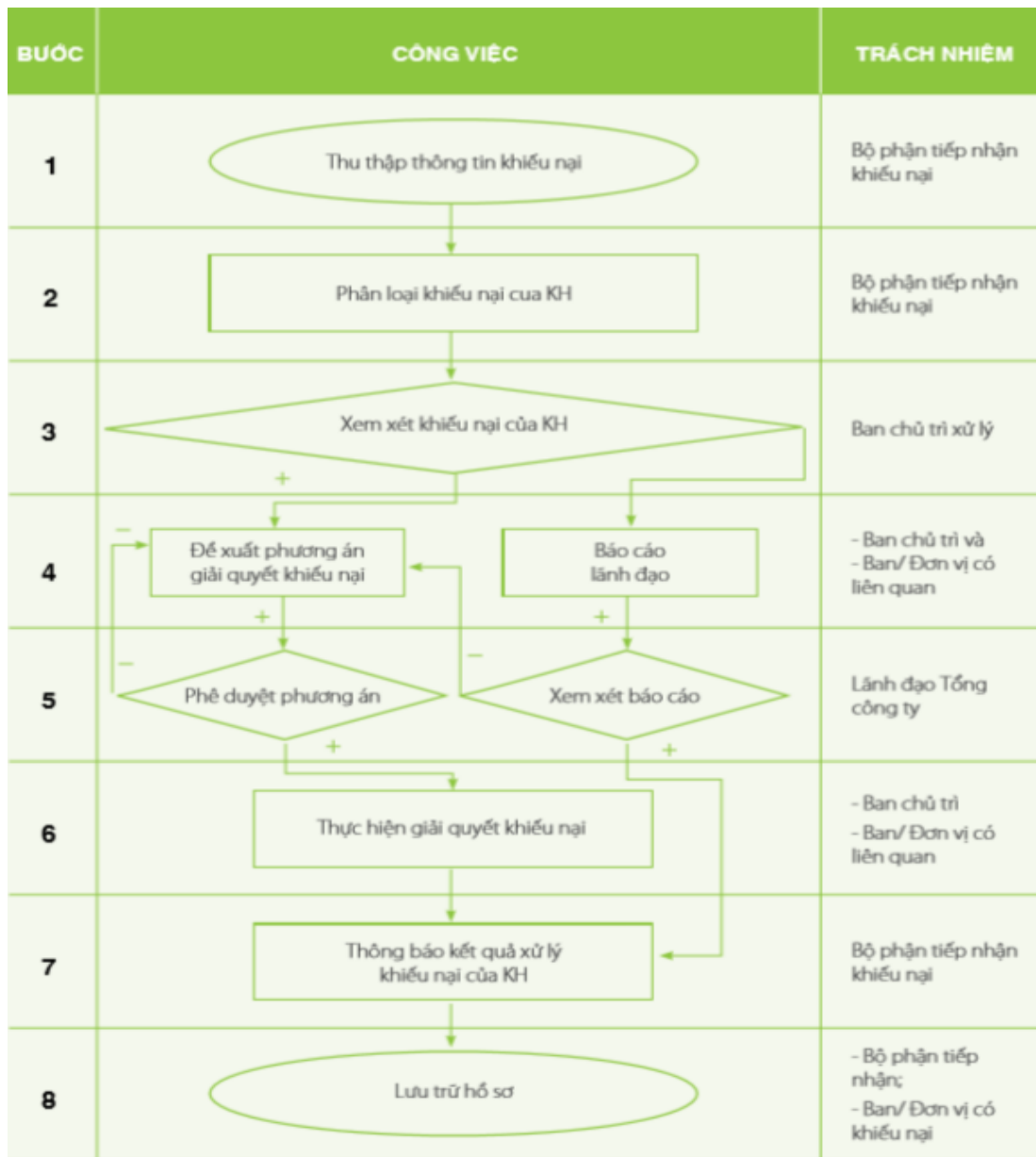
PVOIL cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức, sử dụng đúng theo độ tuổi pháp luật quy định

6.2. Trách nhiệm sản phẩm, dịch vụ

PVOIL cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, người tiêu dùng biết thông qua các kênh thông tin như: Website, Facebook, pano quảng cáo, PVOIL cũng thực hiện giới thiệu dịch vụ mới qua báo chí và các cuộc hội thảo.

Bên cạnh đó PVOIL cũng duy trì các đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản hồi của khách hàng tại tất cả các CHXD và Kho xăng dầu trong toàn hệ thống.

QUY TRÌNH XỬ LÝ KHIẾU NẠI



Khách hàng có thể góp ý, khiếu nại thông qua các hình thức sau:

 Gửi thư tới địa chỉ: **Tổng công ty Dầu Việt Nam - Tầng 14-18 Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**

 Gửi email tới địa chỉ: **contact@pvoil.com.vn**

 Gọi điện tới số: **(84 - 28) 39119333**

 Phản ánh, khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu:

 **0988.43.17.17:** tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Thừa Thiên Huế (kho Chân Mây) trở ra phía Bắc;

 **0988.21.17.17:** tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Đà Nẵng (kho Liên Chiểu) trở vào phía Nam;

 **08.96618800** Hỗ trợ PVOIL Easy trên toàn quốc

6.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng

PVOIL nhận thức đầy đủ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và mong muốn góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn, nhân ái hơn. Trong năm 2019, PVOIL đã tổ chức và tài trợ 11,5 tỷ đồng cho nhiều chương trình xác hội từ thiện mang ý nghĩa thiết thực, cụ thể:

- ✚ Tham gia quản lý và điều hành **quỹ học bổng “Thắp sáng niềm tin”**;
- ✚ Tài trợ **xây dựng trường Tiểu học Quỳnh Khê**, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình và Trường THCS Phú Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình;

Chương trình “Cùng PVOIL về quê đón Tết”



- ✚ Hỗ trợ **“Quỹ vì người nghèo”** của UBMTTQ tỉnh Bình Phước; Chu cấp và phụng dưỡng và thăm hỏi và tặng quà các dịp lễ tết cho 85 Mẹ Việt Nam anh hùng, Mẹ Liệt sỹ tại huyện Củ Chi;

- ✚ Tổ chức chương trình **“Cùng PVOIL về quê đón Tết”** xuân Kỷ Hợi năm 2019, tặng 1320 vé xe, ăn uống dọc hành trình cho các bạn sinh viên có hoàn cảnh khó khăn của 05 trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh về quê đón tết.

- ✚ **Thăm và tặng quà** cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Tả Thành - Mường Khương Lào Cai; bệnh nhân bị ung thư tại Tp. Hồ Chí Minh; các hộ nghèo và nạn nhân chất độc da cam tại Thái Bình; thăm và tặng áo ấm cho đồng bào ở Hà Giang; Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi Thiên Phước.

Chương trình “Nước uống miễn phí”



- ✚ Triển khai chương trình **“Nước uống miễn phí cho tất cả mọi người”** tại phía trước tất cả các cửa hàng xăng dầu của PVOIL trong toàn hệ thống.

PHẦN VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2019

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	49 - 50
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	51 - 53
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	54 - 57
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	58
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	59 – 60
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	61 – 105

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Cao Hoài Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Hạng Anh Minh	Thành viên
Ông Lê Ngọc Quang	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Trình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Khánh Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoài Lam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Trình	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2019)
Ông Phạm Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu ngày 01 tháng 7 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc

lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc


Cao Hoài Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 55 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 07 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang ghi nhận phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (“PETEC” - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Chúng tôi chưa có đủ thông tin về giá trị quyết toán và khoản chênh lệch (nếu có) so với giá trị ghi nhận trên khoản mục phải thu khác này ở kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 (ngày Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán đó. Chúng tôi cũng chưa có đủ các thông tin nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm giá trị của các lô đất tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa chuyển quyền sử dụng đất sang tên PVOIL Sài Gòn và chưa được gia hạn thời gian sử dụng đất với tổng số tiền là 32.415.453.930 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 60.167.359.356 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sử dụng và thời gian sử dụng các lô đất này ở kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 (ngày Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán đó. Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sử dụng và thời gian sử dụng các lô đất này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (công ty liên kết của Tổng Công ty) được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất với giá trị là 279.094.330.000 VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán về những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào tài sản thuần của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí sau ngày mua khoản đầu tư, theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (kỳ hoạt động đầu tiên sau khi Tổng Công ty chuyển thành công ty cổ phần) nhằm mục đích cung cấp thông tin cho người đọc báo cáo tài chính hợp nhất và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty ghi nhận và phản ánh trên báo cáo tài chính riêng khoản góp vốn cổ phần vào PETEC lớn hơn giá trị PETEC đang theo dõi và hạch toán với số tiền 111.225.298.544 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản chênh lệch này sẽ được xử lý khi PETEC thực hiện xong công tác quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh chênh lệch vào khoản mục vốn để loại trừ khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa Công ty mẹ do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày Công ty mẹ chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Khúc Thị Lan Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Trần Thị Kim Khánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0395-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.106.195.016.950	18.005.113.352.135
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.966.080.861.563	3.215.523.791.104
1. Tiền	111		2.100.070.628.763	1.919.114.073.755
2. Các khoản tương đương tiền	112		866.010.232.800	1.296.409.717.349
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	5.377.397.500.886	4.214.567.251.881
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.557.828.520	2.558.970.520
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.195.897.032)	(1.306.883.336)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.376.035.569.398	4.213.315.164.697
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.150.655.063.445	8.823.583.258.744
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.436.180.475.462	4.404.382.989.440
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		148.341.788.930	117.334.598.028
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.409.696.641.734	5.125.117.890.466
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(845.962.615.005)	(825.834.082.448)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.398.772.324	2.581.863.258
IV. Hàng tồn kho	140	9	2.447.627.060.063	1.607.018.334.963
1. Hàng tồn kho	141		2.447.870.689.620	1.701.398.666.353
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(243.629.557)	(94.380.331.390)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		164.434.530.993	144.420.715.443
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	55.093.936.667	49.287.495.788
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11	50.058.694.608	43.800.219.283
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	59.281.899.718	51.333.000.372

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.374.695.441.088	6.658.887.991.329
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		39.254.778.240	45.622.658.885
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	26.622.656.044	26.669.616.044
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	39.254.778.240	42.789.355.694
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8	(26.622.656.044)	(23.836.312.853)
II. Tài sản cố định	220		4.304.768.026.206	4.505.722.944.260
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.664.810.510.289	2.839.611.046.342
- Nguyên giá	222		6.454.289.147.559	6.294.909.734.276
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.789.478.637.270)	(3.455.298.687.934)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	-	125.998.830
- Nguyên giá	225		685.759.091	683.259.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(685.759.091)	(557.260.261)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.639.957.515.917	1.665.985.899.088
- Nguyên giá	228		1.858.285.559.361	1.853.831.063.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(218.328.043.444)	(187.845.164.554)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	116.533.607.749	120.085.987.296
- Nguyên giá	231		139.372.662.434	138.355.539.115
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(22.839.054.685)	(18.269.551.819)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		198.252.617.581	153.272.465.357
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		585.993.545	585.993.545
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	197.666.624.036	152.686.471.812
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		786.240.305.526	834.819.000.855
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	725.389.579.546	769.516.431.009
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	86.639.403.530	84.657.433.530
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(25.788.677.550)	(19.354.863.684)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		929.646.105.786	999.364.934.676
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	899.373.076.011	946.493.214.934
2. Lợi thế thương mại	269	20	30.273.029.775	52.871.719.742
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		26.480.890.458.038	24.664.001.343.464

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.608.556.661.938	14.008.051.207.959
I. Nợ ngắn hạn	310		15.278.456.354.144	13.698.618.233.326
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	4.896.183.185.320	3.547.986.024.113
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		43.365.855.566	69.175.884.157
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	751.758.616.273	608.287.456.999
4. Phải trả người lao động	314		107.005.424.584	96.693.879.733
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	60.340.481.242	36.757.920.259
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.235.851.051	1.156.341.735
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	4.832.140.524.509	6.696.677.095.203
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	4.710.435.278.871	2.561.144.793.935
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	24.828.661.802	26.221.650.510
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		49.740.894.061	16.877.383.072
11. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	323	26	(198.578.419.135)	37.639.803.610
II. Nợ dài hạn	330		330.100.307.794	309.432.974.633
1. Phải trả người bán dài hạn	331		951.181.334	951.181.334
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		6.708.456.993	1.542.500.038
3. Phải trả dài hạn khác	337		19.227.342.652	13.791.073.708
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27	193.635.717.712	189.345.305.642
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	28	104.577.609.103	103.802.913.911
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		5.000.000.000	-

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.872.333.796.100	10.655.950.135.505
I. Vốn chủ sở hữu	410	29	10.872.333.796.100	10.655.950.135.505
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.342.295.000.000	10.342.295.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		(1.782.841.473)	7.587.978.678
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(167.017.350.614)	(167.017.350.614)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		8.604.488.811	9.986.499.655
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		203.087.035.642	190.699.297.399
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		(10.231.793.325)	(4.622.433.701)
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(733.084.059.159)	(881.667.848.758)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(963.603.547.581)	(915.343.013.359)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/kỳ này	421b		230.519.488.422	33.675.164.601
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		5.959.092.576	5.959.092.576
9. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	30	1.224.504.223.642	1.152.729.900.270
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		26.480.890.458.038	24.664.001.343.464

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Phùng Tố Vân
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng



Cao Hoài Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	79.872.051.407.886	23.630.508.162.597
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	11.064.081.083	11.108.704.268
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	33	79.860.987.326.803	23.619.399.458.329
4. Giá vốn hàng bán	11	34	77.089.285.390.168	22.555.596.264.137
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.771.701.936.635	1.063.803.194.192
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	36	372.017.269.974	132.898.998.593
7. Chi phí tài chính	22	37	266.513.067.208	88.003.498.194
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		195.607.788.484	64.813.309.421
8. Phần lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	18	(14.177.320.810)	(7.698.547.982)
9. Chi phí bán hàng	25	38	1.690.369.592.224	668.164.803.523
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	808.179.239.425	374.203.582.755
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		364.479.986.942	58.631.760.331
12. Thu nhập khác	31	39	61.056.282.875	27.553.541.732
13. Chi phí khác	32	39	13.244.159.559	2.918.644.239
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	39	47.812.123.316	24.634.897.493
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		412.292.110.258	83.266.657.824
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	40	64.495.258.015	12.058.587.792
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	774.695.192	53.729.639.803
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		347.022.157.051	17.478.430.229
Trong đó:				
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		230.519.488.422	33.675.164.601
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		116.502.668.629	(16.196.734.372)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	223	33

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Phùng Tổ Văn
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng



Cao Hoài Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	412.292.110.258	83.266.657.824
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	385.038.799.909	165.053.590.556
Các khoản dự phòng	03	(66.291.987.231)	194.350.702.991
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	13.376.408.438	223.403.024
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(299.689.369.366)	(121.330.772.126)
Chi phí lãi vay	06	195.607.788.484	64.813.309.421
Các khoản điều chỉnh khác (i)	07	(230.716.331.182)	(166.303.180.974)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	409.617.419.310	220.073.710.716
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(438.688.023.850)	261.155.874.656
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(746.472.023.267)	909.934.538.806
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	538.123.904.706	(467.044.538.125)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	97.686.389.543	(45.923.890.971)
Tăng chứng khoán kinh doanh	13	-	(326.406.604)
Tiền lãi vay đã trả	14	(198.693.077.119)	(58.367.409.806)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(68.050.188.228)	(113.738.219.854)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	38.005.834	299.682.932
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (ii)	17	(983.505.674.213)	(30.616.310.244)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.389.943.267.284)	675.447.031.506
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(213.396.140.413)	(101.828.468.461)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	22.392.822.894	8.197.417.990
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.934.379.329.394)	(4.005.575.164.697)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.782.379.329.394	2.852.973.033.806
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.344.742.915)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	1.812.300.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	346.403.387.977	145.031.321.599
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(998.944.672.457)	(1.099.389.559.765)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	21.811.091.921.321	6.645.915.668.826
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(19.657.394.222.714)	(7.243.884.628.313)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(116.801.601)	(48.666.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.153.580.897.006	(598.017.625.987)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(235.307.042.735)	(1.021.960.154.246)
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	3.215.523.791.104	4.238.409.617.335
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(14.135.886.806)	(925.671.985)
Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ (70=50+60+61)	70	2.966.080.861.563	3.215.523.791.104

- (i) Bao gồm chênh lệch giữa số trích lập với số sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu và lãi tính trên số dư âm Quỹ Bình ổn giá xăng dầu với số tiền lần lượt là 825.165.811.700 VND và 1.061.422.040.279 VND.
- (ii) Bao gồm số tiền Tổng Công ty đã chuyển trong năm về Quỹ hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp liên quan đến khoản phải trả về cổ phần hóa, theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ và Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính với số tiền 552.482.000.000 VND và số tiền Tổng Công ty đã chuyển trong năm về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lợi nhuận sau thuế phải nộp theo Quyết định số 7135/QĐ-CT ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 463.887.185.202 VND.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Phùng Tô Vân
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng



Cao Hoài Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty” hoặc “PVOIL”), trước đây là Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được thành lập trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí và Công ty TNHH Một thành viên Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ.

Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005189 ngày 26 tháng 6 năm 2008 và thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 với vốn điều lệ là 7.220.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 01 năm 2016, vốn điều lệ điều chỉnh của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên là 10.884.251.000.000 đồng.

Từ ngày 01 tháng 8 năm 2018, Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần với tên gọi là Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 01 tháng 8 năm 2018. Vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được chấp thuận giao dịch trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) vào ngày 07 tháng 3 năm 2018 với mã chứng khoán là OIL.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số nhân viên tại Tổng Công ty (không bao gồm các công ty con) là 700 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 711 người).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ Tổng Công ty là xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu và kinh doanh sản phẩm dầu trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Sản xuất sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Xuất nhập khẩu sản phẩm dầu và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, hóa chất, vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Kinh doanh vật tư thiết bị hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Môi giới và cung ứng tàu biển; Kinh doanh khách sạn, du lịch (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ cho thuê xe bồn, bể chứa xăng dầu và kho bãi; Mua bán phân bón, các sản phẩm hóa dầu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty gồm Công ty mẹ và 30 công ty con. Danh sách các công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Cần Thơ	89,37%	89,37%	Xây dựng tổng kho xăng dầu. Chế biến và kinh doanh các sản phẩm dầu khí, xuất nhập khẩu các sản phẩm dầu mỏ.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Hà Tĩnh	56,50%	56,50%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Vận tải hàng hoá bằng đường thủy nội địa.
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	Tp. Hồ Chí Minh	62,67%	62,67%	Khai thác, sản xuất, vận chuyển, bán buôn và bán lẻ các sản phẩm liên quan đến xăng, dầu và khí đốt.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Trà Vinh	96,27%	96,27%	Kinh doanh xăng dầu. Kinh doanh hàng tiêu dùng.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	Bạc Liêu	96,10%	96,10%	Bán buôn thực phẩm. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Bình Thuận	79,68%	79,68%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hóa	56,86%	56,86%	Kinh doanh xăng, dầu các loại; kinh doanh thương mại, dịch vụ thương mại; kinh doanh xuất nhập khẩu; khai thác, chế biến khoáng sản; bất động sản...
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Vũng Tàu	67,64%	67,64%	Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Sản xuất chế biến nhiên liệu và dung môi. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	65,18%	66,93%	Kinh doanh xăng dầu. Khai thác dầu thô. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên. Sản xuất hoá chất cơ bản.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	57,18%	57,18%	Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Sản xuất chế biến nhiên liệu và dung môi. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	71,35%	71,35%	Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Dịch vụ kho cảng. Vận tải hàng hoá.
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu nội địa PVOIL Lào (i)	Lào	100,00%	100,00%	Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Lào (i)	Lào	100,00%	100,00%	Nhập khẩu, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	68,00%	68,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Xây dựng các loại nhà.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	51,00%	51,00%	Bán buôn và kinh doanh nước khoáng.

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Nam Định	56,75%	56,75%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ. Đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Tây Ninh	78,62%	78,62%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Quảng Ninh	80,19%	80,19%	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận tải hàng hoá và đường bộ và thủy.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Phú Yên	67,13%	67,13%	Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan; mua bán khí đốt; vận tải hàng hoá.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Phú Thọ	71,68%	71,68%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận chuyển các sản phẩm dầu khí.
Công ty TNHH Kinh doanh dầu Quốc tế Singapore	Singapore	51,00%	51,00%	Mua bán, kinh doanh các loại dầu thô và các sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế. Tham gia mua bán và cung cấp dầu thô tại Việt Nam.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	Quảng Ngãi	71,43%	71,43%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	Hải Phòng	72,00%	72,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	71,00%	71,00%	Vận tải hàng hoá đường bộ. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí. Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	Hà Giang	80,37%	80,37%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa.
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Tp. Hồ Chí Minh	51,01%	51,01%	Kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt. Kinh doanh vận tải xăng dầu. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Sắt thép, vật liệu xây dựng.
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC) - CTCP (ii)	Tp. Hồ Chí Minh	94,78%	95,09%	Xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu; chi tiết xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ; xuất nhập khẩu phân bón; cung cấp dịch vụ hàng hải.
Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Campuchia	Campuchia	51,00%	51,00%	Đang trong quá trình thành lập
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình (iii)	Ninh Bình	20,26%	66,67%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chuẩn bị mặt bằng. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	74,67%	74,67%	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.

- (i) Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 39/NQ-DVN ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc thông qua phương án tổ chức lại Công ty TNHH Xăng dầu Dầu khí Lào theo hình thức tách thành 2 công ty phù hợp với quy định tại Nghị định số 331/PM ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ Lào về kinh doanh xăng dầu và Thông tư số 0521/BCT.TMTN ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Bộ Công Thương Lào về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 331/PM ngày 27 tháng 10 năm 2017. Theo đó, Công ty TNHH Xăng dầu Dầu khí Lào (công ty bị tách) chuyển một phần tài sản, quyền và nghĩa vụ để thành lập một công ty TNHH mới - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu nội địa PV Oil Lào (công ty được tách). Công ty bị tách sẽ thực hiện chức năng xuất nhập khẩu xăng dầu (công ty xuất nhập khẩu), do Tổng Công ty nắm 100% vốn. Công ty được tách sẽ thực hiện chức năng phân phối xăng dầu nội địa (công ty phân phối), do Tổng Công ty nắm 100% vốn. Thực hiện Nghị quyết trên, việc tách Công ty TNHH Xăng dầu Dầu khí Lào thành 2 công ty đã hoàn tất trong năm.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty ghi nhận và phản ánh trên báo cáo tài chính riêng khoản góp vốn cổ phần vào PETEC lớn hơn giá trị PETEC đang theo dõi và hạch toán với số tiền 111.225.298.544 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản chênh lệch này sẽ được xử lý khi PETEC thực hiện xong công tác quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh chênh lệch vào khoản mục vốn để loại trừ khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
- (iii) Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình (PVOil Ninh Bình) là 20,26%. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của PVOIL Ninh Bình (2 trên 3 thành viên Hội đồng Quản trị là người của Tổng Công ty, tương ứng tỷ lệ biểu quyết là 66,67%).

Danh sách các công ty liên doanh sở hữu trực tiếp:

Tên công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	19.00%	Đầu tư xây dựng kho ngầm chứa xăng dầu
Công ty Liên doanh Hóa chất LG-Vina	Đồng Nai	15.00%	Sản xuất và kinh doanh dầu hoá dẻo DOP
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Bình Phước	30.20%	Sản xuất kinh doanh nhiên liệu sinh học

Danh sách các công ty liên kết sở hữu trực tiếp:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí	Hà Nội	39,76%	39,76%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	Tp. Hồ Chí Minh	29,00%	29,00%	Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Comeco	Tp. Hồ Chí Minh	44,79%	44,94%	Xuất nhập khẩu xăng dầu, vận chuyển hàng hóa
Công ty Cổ phần Thương mại Thạch Hãn	Quảng Trị	45,00%	45,00%	Kinh doanh xăng dầu, công nghệ phẩm, nông sản, thực phẩm,...
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	34,28%	34,28%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Phú Yên	47,79%	47,79%	Sản xuất, chế biến hàng nông sản xuất khẩu,...
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	Cà Mau	24,26%	24,79%	Kinh doanh xăng dầu, công nghệ phẩm, nông sản, thực phẩm,...
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	Kiên Giang	33,96%	33,96%	Kinh doanh xăng dầu, xi măng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 nhằm mục đích cung cấp thông tin cho người đọc báo cáo tài chính hợp nhất và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh trong vòng 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được hạch toán vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư góp vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là cổ phiếu niêm yết được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị quản lý	3 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 25

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ - Tổng Công ty được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên

thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó, cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải

Số năm

5 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn quy định trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Các tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị tiền thuê đất, thuê văn phòng, giá trị lợi thế vị trí địa lý của một số cửa hàng xăng dầu, giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất đang thuê và giá trị thương hiệu) phát sinh tại PETEC - một công ty con của Tổng Công ty và các chi phí trả trước dài hạn khác. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng theo dõi giá trị thương hiệu được ghi nhận theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành viên (đơn vị cổ phần hóa) đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tiền thuê đất, thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, các chi phí quảng cáo, sửa chữa được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Giá trị lợi thế vị trí địa lý thể hiện khoản chênh lệch giá mua của một số cửa hàng xăng dầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê đất còn lại của các cửa hàng từ 13 năm đến 50 năm.

Giá trị thương hiệu được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo quy định hiện hành kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tỷ giá này có sự khác biệt so với tỷ giá quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, sự khác biệt này không gây ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tổng Công ty.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tổng Công ty thực hiện hoạt động tại nước ngoài được kế toán như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư số 39/2014/TTLT-BCT-BTC của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương ngày 29 tháng 10 năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2014) về việc “Quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng quỹ bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu” và Thông tư số 90/2016/TTLT-BCT-BTC của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương ngày 24 tháng 6 năm 2016 (có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2016) về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và Điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu”.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở (mức trích căn cứ theo quy định từng thời kỳ của Bộ Tài chính).

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng theo công văn chỉ đạo của Bộ Công thương từng thời kỳ. Việc sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu dựa trên sản lượng thực tế tiêu thụ nhân mức sử dụng trên một lít xăng dầu theo quy định của Bộ Công thương.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	32.378.139.695	68.906.419.094
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	2.064.804.640.772	1.846.073.316.001
<i>Trong đó:</i>		
<i>Số dư tài khoản Quỹ Bình ổn giá xăng dầu (ii)</i>	-	10.626
Tiền đang chuyển	2.887.848.296	4.134.338.660
Các khoản tương đương tiền (i), (iii)	866.010.232.800	1.296.409.717.349
	2.966.080.861.563	3.215.523.791.104

- (i) Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số tiền 7.852.952.418 Việt Nam đồng, 3.776.074 Đô la Mỹ là tiền gửi không kỳ hạn và 13.535.000.000 Việt Nam đồng là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương) bị hạn chế chi trả theo Chỉ thị số 600/2015/CT-TGD ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Ngân hàng TMCP Đại Dương về việc tạm dừng cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để tiến hành rà soát, thẩm định hồ sơ thanh toán của khách hàng. Hiện nay, Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương đã chuyển thành ngân hàng do Nhà nước sở hữu 100% vốn, theo đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong thời gian tới khi có quyết định từ phía Ngân hàng Nhà nước.
- (ii) Số dư tài khoản Quỹ bình ổn giá xăng dầu được theo dõi riêng trên tài khoản ngân hàng theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương.
- (iii) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất hàng năm từ 4,5% đến 6,6% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: lãi suất hàng năm từ 4,5% đến 6,6%).

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND Giá gốc	VND Giá trị hợp lý	VND Dự phòng	VND Giá gốc	VND Giá trị hợp lý	VND Dự phòng
a. Chứng khoán kinh doanh						
Tổng giá trị cổ phiếu	2.557.828.520	1.530.450.004	(1.195.897.032)	2.558.970.520	1.462.205.700	(1.306.883.336)
Công ty Cổ phần Thép Pomina (i)	479.473.051	133.980.004	(345.493.047)	479.473.051	185.115.700	(294.357.351)
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (i)	662.700.000	662.700.000	-	662.700.000	662.700.000	-
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè (i)	678.026.087	365.190.000	(312.836.087)	678.026.087	184.240.000	(493.786.087)
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long (i)	607.147.898	69.580.000	(537.567.898)	608.289.898	89.550.000	(518.739.898)
Tổng Công ty Việt Thắng - Công ty Cổ phần	130.481.484	299.000.000	-	130.481.484	340.600.000	-
	VND Giá gốc	Số cuối năm VND Giá trị ghi sổ	VND Dự phòng	Số đầu năm VND Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ	
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	5.376.035.569.398	5.376.035.569.398	4.213.315.164.697	4.213.315.164.697		

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh này được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- (ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng từ thời điểm báo cáo và hưởng lãi suất hàng năm từ 5,1% đến 7,4% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: lãi suất hàng năm từ 5,1% đến 6,5%). Khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 257.865.164.697 đồng tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương) bị hạn chế chi trả theo Chỉ thị số 600/2015/CT-TGD ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Ngân hàng TMCP Đại Dương về việc tạm dừng cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để tiến hành rà soát, thẩm định hồ sơ thanh toán của khách hàng. Hiện nay, Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương đã chuyển thành Ngân hàng do Nhà nước sở hữu 100% vốn, theo đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong thời gian tới khi có quyết định từ phía Ngân hàng Nhà nước.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (i)	1.210.761.651.103	43.340.558.094
Glencore Singapore Pte Ltd	1.010.153.541.409	-
Petro-Diamond Singapore Pte Ltd	511.121.173.294	
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	124.164.578.894
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xăng dầu Tiền Phong	118.524.357.430	118.524.357.430
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	87.946.610.123
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - XN Vật tư Hòn Gai	82.927.231.796	62.805.333.594
Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	81.124.848.541	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	77.865.356.829
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.638.325.811	69.988.298.311
Công ty Cổ phần Dương Đông - Sài Gòn	57.462.163.937	678.400.680
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	53.704.933.902	52.347.101.216
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí Vũ Anh	43.257.741.001	43.257.741.001
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	42.634.776.646	43.834.776.646
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	42.853.380.032	35.580.204.734
Công ty CP TMHD Nam Sông Hậu	40.698.050.213	386.652.306.188
Công ty TNHH ĐT TM & DV Thành Đô	40.487.722.100	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	39.167.619.412	1.957.515.750
Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro	25.233.350.570	26.457.196.883
Unipet Asia Company Limited	-	415.808.751.303
Vitol Asia Pte Ltd	-	411.326.210.975
Socar Trading Singapore Pte Ltd	-	340.237.794.706
Gunvor Singapore Pte Ltd	-	280.735.150.793
Cục Xăng dầu - Tổng Cục Hậu Cần	-	67.368.531.784
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVTrans_Pacific)	-	50.737.887.380
Totsa Total Oil Trading SA	-	3.871.840.170
Các khách hàng khác	1.676.453.062.419	1.658.896.485.956
	5.436.180.475.462	4.404.382.989.440
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại XNK Tân Đình Phong	12.839.699.605	12.839.699.605
Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	6.315.000.000
Công ty Cổ phần Itasco Lâm Đồng	3.906.103.191	3.906.103.191
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	2.607.355.480	2.607.355.480
Các khách hàng khác	954.497.768	1.001.457.768
	26.622.656.044	26.669.616.044

Trong đó: Phải thu khách hàng các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 43)

1.401.360.096.973 249.324.829.352

- (i) Phản ánh khoản phí ủy thác và tiền dầu thô phải thu từ Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn liên quan đến việc thực hiện các hoạt động mua, nhập khẩu ủy thác và bán hàng cho Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất khẩu ủy thác	3.569.842.235.157	2.977.031.277.355
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô nhập khẩu ủy thác	192.086.100.768	1.708.269.250.879
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	217.299.697.501	217.299.697.501
<i>Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)</i>	<i>170.283.513.359</i>	<i>170.283.513.359</i>
<i>Lợi nhuận tạm phân phối Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</i>	<i>47.016.184.142</i>	<i>47.016.184.142</i>
Thuế tạm nộp kinh doanh hàng tạm nhập tái xuất	-	6.858.834.045
Thuế tiêu thụ đặc biệt chờ khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi chờ hoàn (ii)	124.851.061.249	29.720.307.838
Phải thu về cổ phần hóa (iii)	5.755.479.545	5.755.479.545
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ	1.652.137.894	7.121.379
Phải thu khác	298.209.929.620	180.175.921.924
	4.409.696.641.734	5.125.117.890.466
b. Phải thu dài hạn khác		
Phải thu về chuyển nhượng dự án Petroland	29.169.360.416	32.415.555.599
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.919.550.000	5.171.055.360
Chi phí phân bổ tài sản dùng để hợp tác kinh doanh	534.998.945	572.324.465
Cảng cá Ba Tri - Bến Tre	4.378.850.879	4.413.570.270
Phải thu khác dài hạn	252.018.000	216.850.000
	39.254.778.240	42.789.355.694
<i>Trong đó: Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 43)</i>	<i>3.992.352.047.374</i>	<i>4.310.119.430.818</i>

- (i) Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư ("PETEC" - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 VND. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.
- (ii) Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên vật liệu Condensate và hàng pha chế chờ được khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt chờ hoàn từ Ngân sách Nhà nước.
- (iii) Phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi
Đối tượng				
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	-	124.164.578.894	-
Công ty Cổ phần ĐT và PT Xăng dầu Tiên Phong	118.524.357.430	-	118.524.357.430	-
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	-	87.946.610.123	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	-	77.865.356.829	-
Công ty CP Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.638.325.811	-	69.888.325.811	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Vũ Anh	43.257.741.001	-	43.257.741.001	-
Công ty CP Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	42.634.776.646	4.277.125.161	43.834.776.646	21.917.388.323
Công ty Cổ phần Song Phát	26.371.285.621	-	26.371.285.621	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cẩm Giàng	20.010.740.366	-	20.010.740.366	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Cái Lân	19.576.761.700	-	19.576.761.700	-
Công ty CP Điều Phú Yên	18.604.952.041	-	20.604.952.041	-
Công ty TNHH SX & TM XNK Tân Đình Phong	12.839.699.605	-	12.839.699.605	-
Tổng công ty thăm dò khai thác dầu khí PVEP	12.271.347.929	-	20.865.647.243	-
Công ty TNHH TMDV Dầu khí Anh Thúy	12.047.043.901	-	12.285.735.875	-
Công ty TNHH Nhiên Liệu Sinh Học Phương Đông	10.206.785.688	-	10.206.785.688	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Ninh Bình	8.906.024.795	-	8.906.024.795	-
Khách hàng nợ Chi nhánh Công ty cổ phần dầu khí Mê Kông tại Kiên Giang chờ xử lý	7.839.154.020	-	7.839.154.020	-
Công ty CP TMHD Nam Sông Hậu	7.799.179.244	-	8.850.308.852	-
Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ 1932	6.875.172.043	-	6.875.172.043	-
Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	6.315.000.000	6.315.000.000	6.315.000.000
Công ty CP Vận tải Thành Phát	4.270.513.122	-	4.270.513.122	-
Công ty CP Itasco Lâm Đồng	3.906.103.191	-	3.906.103.191	-
Công ty CP Thương mại Phương Hoàng	3.287.903.374	-	3.287.903.374	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Hồng Việt	3.145.082.500	-	3.145.082.500	-
Công ty TNHH Công nghiệp Ngôi sao xanh	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	2.607.355.480	-	2.607.355.480	-
Công ty cổ phần Trung Nam	2.516.000.000	-	2.516.000.000	-
Công ty TNHH TM&DV Hưng Nghiệp	2.255.318.300	836.000.000	2.255.318.300	836.000.000
Đỗ Văn Trực	2.066.082.640	-	2.066.082.640	-
Tổng Công ty ĐTXD và Thương mại Anh Phát- Công ty Cổ phần	305.204.346	305.204.346	805.204.346	805.204.346
Khách hàng khác	148.260.033.027	19.586.710.056	130.633.262.401	14.142.525.188
	909.014.489.667	34.020.039.563	905.221.839.937	46.716.117.857

Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu như sau:

- i. Dựa trên giá trị sổ sách trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập đối với những khoản phải thu không có tài sản đảm bảo.

- ii. Đối với các khoản công nợ phải thu có giá trị tài sản đảm bảo lớn hơn giá trị phải thu, giá trị có thể thu hồi xác định bằng giá gốc của khoản phải thu. Đối với các khoản công nợ có tài sản đảm bảo nhỏ hơn giá trị phải thu, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá trị sổ sách trừ giá trị của tài sản đảm bảo và trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	194.516.369.453	-	68.112.647.052	-
Nguyên liệu, vật liệu	437.567.282.427	-	300.601.521.192	(8.633.839.066)
Công cụ, dụng cụ	14.997.721.922	-	11.274.113.186	-
Thành phẩm tồn kho	67.877.019.026	-	302.054.566.234	(43.494.716.686)
Hàng hóa	1.732.889.787.023	(243.629.557)	1.019.333.308.920	(42.251.775.638)
Hàng gửi đi bán	22.509.769	-	22.509.769	-
	2.447.870.689.620	(243.629.557)	1.701.398.666.353	(94.380.331.390)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho và đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 243.629.557 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 trích lập 94.380.331.390 VND) đối với các mặt hàng có giá trị thuần thấp hơn giá gốc tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong năm, Tổng Công ty đã trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền lần lượt là 243.629.557 VND và 94.380.331.390 VND (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 trích lập 94.380.331.390 VND và hoàn nhập 0 VND).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	4.152.107.555	2.156.368.488
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.842.331.527	6.278.172.595
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	47.099.497.585	40.852.954.705
	55.093.936.667	49.287.495.788
b. Dài hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	340.264.109.342	333.967.105.032
Giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế vị trí địa lý (i)	273.481.625.251	278.096.553.120
Lợi thế kinh doanh (ii)	99.490.188.599	162.326.325.783
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	30.691.287.930	25.471.127.203
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ	24.457.903.521	25.421.466.730
Chi phí trả trước dài hạn khác	130.987.961.368	121.210.637.066
	899.373.076.011	946.493.214.934

- (i) Bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê trả tiền hàng năm ghi nhận vào giá trị Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP ("PETEC"- một công ty con của Tổng Công ty) khi cổ phần hóa ngày 18 tháng 5 năm 2011 với số tiền tại ngày 31 tháng

12 năm 2019 là 204.269.738.147 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 208.066.311.053 VND).

- (ii) Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển của Tổng Công ty tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định thay đổi thời gian phân bổ lợi thế kinh doanh vào chi phí sản xuất kinh doanh từ 10 năm xuống 3 năm. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng việc thay đổi thời gian phân bổ như trên là phù hợp với tình hình thực tế của Tổng Công ty và đúng với quy định hiện hành. Việc thay đổi này dẫn đến Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng và lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng Công ty giảm với số tiền 45.897.594.717 VND so với số liệu nếu giữ nguyên thời gian phân bổ như kỳ trước.

11. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là phần thuế giá trị gia tăng đầu vào mà Tổng Công ty chưa thực hiện khấu trừ. Việc khấu trừ khoản thuế này trong năm tiếp theo sẽ phụ thuộc vào việc kê khai của Tổng Công ty và sự kiểm tra, phê duyệt của cơ quan thuế địa phương.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/(hoàn) trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Các khoản thuế phải thu				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.380.386.770	31.196.420.957	25.816.834.187	800.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt	17.298.747.301	(9.070.549.532)	9.904.436.742	36.273.733.575
Thuế xuất, nhập khẩu	3.173.115.782	3.173.115.782	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.675.859.796	8.126.853.476	12.261.027.925	22.810.034.245
Thuế thu nhập cá nhân	248.734.152	620.241.890	532.371.290	160.863.552
Thuế nhà đất	68.001.715	1.563.045.471	1.531.512.102	36.468.346
Các loại thuế khác	6.488.154.856	6.488.154.856	-	-
	51.333.000.372	42.097.282.900	50.046.182.246	59.281.899.718
Các khoản thuế phải trả, phải nộp	607.559.528.604	11.557.260.879.171	11.413.062.916.500	751.757.491.275
Thuế GTGT hàng bán nội địa	74.723.286.520	1.312.892.599.122	1.311.419.668.563	76.196.217.079
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	695.927.595.427	695.927.595.427	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	354.080.264.985	354.080.264.985	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.666.506.841.195	1.665.592.228.529	914.612.666
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.197.448.728	63.229.337.154	55.789.160.303	19.637.625.579
Thuế thu nhập cá nhân	6.057.796.940	17.990.335.005	19.633.349.336	4.414.782.609
Thuế tài nguyên	39.490.000	764.165.000	762.405.000	41.250.000
Thuế nhà đất	104.289.164	14.581.530.183	14.685.819.347	-
Thuế môn bài	-	472.902.080	472.902.080	-
Các loại thuế khác	514.437.217.252	7.430.815.309.020	7.294.699.522.930	650.553.003.342
Các khoản phải nộp khác	727.928.395	674.421.580	1.401.224.977	1.124.998
Các khoản phí, lệ phí	727.928.395	674.421.580	1.401.224.977	1.124.998
	608.287.456.999	11.557.935.300.751	11.414.464.141.477	751.758.616.273

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	4.419.044.490.925	1.291.355.870.437	457.700.632.171	88.535.766.025	38.272.974.718	6.294.909.734.276
Tăng trong năm	24.892.878.977	24.798.351.651	19.307.829.437	3.579.311.355	269.255.056	72.847.626.476
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	79.749.413.346	22.076.223.262	6.880.429.336	3.207.099.234	821.332.521	112.734.497.699
Phân loại lại	(486.727.272)	(3.644.740.651)	-	-	4.131.467.923	-
Thanh lý, nhượng bán	(4.941.869.059)	(3.866.192.162)	(11.207.847.862)	(201.178.888)	-	(20.217.087.971)
Tăng, giảm khác	(4.009.898.576)	1.346.423.950	(1.489.555.853)	(216.483.100)	(1.616.109.342)	(5.985.622.921)
Số dư cuối năm	4.514.248.288.341	1.332.065.936.487	471.191.487.229	94.904.514.626	41.878.920.876	6.454.289.147.559
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	2.206.941.083.328	838.991.493.479	314.430.995.814	70.810.447.516	24.124.667.797	3.455.298.687.934
Khấu hao trong năm	229.601.676.993	81.870.293.975	32.567.875.295	5.699.889.434	2.254.993.283	351.994.728.980
Phân loại lại	-	(3.010.929.453)	-	-	3.010.929.453	-
Thanh lý, nhượng bán	(2.028.648.597)	(3.198.712.235)	(11.102.721.974)	(141.000.910)	-	(16.471.083.716)
Tăng, giảm khác	(3.772.162.552)	228.165.801	(680.766.669)	(702.499.433)	3.583.566.925	(1.343.695.928)
Số dư cuối năm	2.430.741.949.172	914.880.311.567	335.215.382.466	75.666.836.607	32.974.157.458	3.789.478.637.270
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	2.212.103.407.597	452.364.376.958	143.269.636.357	17.725.318.509	14.148.306.921	2.839.611.046.342
Tại ngày cuối năm	2.083.506.339.169	417.185.624.920	135.976.104.763	19.237.678.019	8.904.763.418	2.664.810.510.289

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 477.626.358.023 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 392.439.553.240 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 27, các tài sản cố định hữu hình được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 416.469.514.659 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 397.381.171.869 VND).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	683.259.091
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	2.500.000
Số dư cuối năm	685.759.091
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	557.260.261
Khấu hao trong năm	128.498.830
Số dư cuối năm	685.759.091
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	125.998.830
Tại ngày cuối năm	-

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.792.653.619.485	59.803.708.406	1.373.735.751	1.853.831.063.642
Tăng trong năm	24.881.827.374	17.211.435.650	-	42.093.263.024
Thanh lý, nhượng bán	(36.430.012.205)	-	-	(36.430.012.205)
Tăng, giảm khác	(1.208.755.100)	-	-	(1.208.755.100)
Số dư cuối năm	1.779.896.679.554	77.015.144.056	1.373.735.751	1.858.285.559.361
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	133.744.337.298	53.312.975.492	787.851.764	187.845.164.554
Khấu hao trong năm	25.497.374.548	2.708.038.277	140.656.408	28.346.069.233
Thanh lý, nhượng bán	(79.444.457)	-	-	(79.444.457)
Tăng, giảm khác	3.550.928.537	(1.334.674.423)	-	2.216.254.114
Số dư cuối năm	162.713.195.926	54.686.339.346	928.508.172	218.328.043.444
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	1.658.909.282.187	6.490.732.914	585.883.987	1.665.985.899.088
Tại ngày cuối năm	1.617.183.483.628	22.328.804.710	445.227.579	1.639.957.515.917

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, giá trị quyền sử dụng đất của Tổng Công ty với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 155.992.491.492 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 127.025.134.337 VND) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi tiết giá trị các lô đất chưa được cấp/chuyển quyền sử dụng đất sang tên Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty), chưa được gia hạn thời gian sử dụng đất phát sinh như sau:

STT	Lô đất	Địa chỉ	Chủ sở hữu	Nguyên giá tại ngày 31/12/2019	Ghi chú
				VND	
1	CHXD Số 1	Tỉnh lộ 925, ấp Tân Thuận, Đồng Phước A, Châu Thành, Hậu Giang	Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	2.712.518.900	Hiện nay, Lô đất này đang đứng tên Xí nghiệp XDDK Sài Gòn (đơn vị tiền thân của PVOIL Sài Gòn)
2	CHXD Số 5	Ấp Tân Bình 1, xã Long Phú, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Chưa được cấp quyền sử dụng đất	334.915.334	Tổng diện tích lô đất là 1.154,5m ² . PV Oil Sài Gòn đã thực hiện xong việc xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 854,5m ² , còn lại 300m ² nằm trong phạm vi hành lang an toàn đường thủy nên không được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.
3	CHXD Số 40	Ấp Nàng Rền, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạch Trị, tỉnh Sóc Trăng	Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	1.918.019.831	Hiện nay, Lô đất này đang đứng tên Xí nghiệp XDDK Sài Gòn (đơn vị tiền thân của PVOIL Sài Gòn)
4	CHXD Số 63	5/4, ấp 1B, Bến Lức, Long An	Ông Nguyễn Văn Chúng	384.695.116	Tổng diện tích lô đất là 1.632m ² , trong đó chỉ còn 300m ² đất ở, 200m ² đất lúa chưa sang tên cho PV Oil Sài Gòn. CHXD hoạt động trên 1.132m ² đất SXKD đã sang tên.
5	Lô đất Cần Giờ	TP. HCM	Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	14.950.957.950	Quyền sử dụng đất hết hạn tháng 12/2017, chưa gia hạn quyền sử dụng đất
6	Lô đất Ba Láng	Cần Thơ	Bà Hoàng Hải Hà	10.592.491.299	PV Oil Sài Gòn chưa hoàn thiện việc chuyển mục đích sử dụng đất. Tổng diện tích lô đất là 1.967,8m ² . Trong đó mới chỉ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được 618,3m ² , bao gồm 300m ² đất ở và 318,3m ² đất SXKD
7	CHXD số 31	Tỉnh lộ 38, ấp Thào Lạng, xã Vĩnh Thạnh, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu		1.521.855.500	Quyền sử dụng đất hết hạn tháng 12/2016, chưa gia hạn quyền sử dụng đất
				32.415.453.930	

16. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Khác	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	137.584.283.226	771.255.889	138.355.539.115
Tăng trong năm	1.017.123.319	-	1.017.123.319
Số dư cuối năm	138.601.406.545	771.255.889	139.372.662.434
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	17.498.295.930	771.255.889	18.269.551.819
Khấu hao trong năm	4.569.502.866	-	4.569.502.866
Số dư cuối năm	22.067.798.796	771.255.889	22.839.054.685
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	120.085.987.296	-	120.085.987.296
Tại ngày cuối năm	116.533.607.749	-	116.533.607.749

Trong năm, Tổng Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 24.757.427.291 VND (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: 18.833.902.259 đồng). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 11.321.515.243 VND (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: 4.623.776.992 VND).

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 823.093.389 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 823.093.389 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (i)	56.164.171.321	56.164.171.321
Đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu	62.999.853.475	52.922.524.088
Mở rộng kho chứa nhà máy chế biến Condensate	7.258.066.196	7.258.066.196
Kho Trung chuyên xăng dầu Hợp Thịnh - Kỳ Sơn, Hòa Bình (ii)	12.599.556.079	12.599.556.079
DA cải tạo sửa chữa và mua sắm thiết bị phòng thí nghiệm XD tại Tổng kho Đình Vũ	10.405.615.454	-
Mở rộng kho xăng dầu Nghi Sơn (Giai đoạn 1)	7.582.217.714	-
Bãi đỗ, quay xe bồn phục vụ Nhập xuất kho Nghi Sơn	-	6.244.472.728
Công trình khác	40.657.143.797	17.497.681.400
	197.666.624.036	152.686.471.812

- (i) Phản ánh giá trị san lấp mặt bằng giai đoạn 02 của Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (“PETEC”- một công ty con của Tổng Công ty) đã tạm dừng việc tiếp tục triển khai dự án này và đang chờ quyết định của Tập đoàn Dầu khí Việt nam về việc tiếp tục triển khai dự án này trong thời gian tới.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ (“PV Oil Phú Thọ”- một công ty con của Tổng Công ty) đã tạm dừng việc tiếp tục triển khai dự án này theo Công văn số 7150/DVN-ĐTTM ngày 24 tháng 12 năm 2012 và chưa thực hiện điều chỉnh giá trị của công trình này theo báo cáo quyết toán vốn đầu tư đã được kiểm toán.

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

a. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	735.410.847.535	782.857.232.693
Phần lỗ phát sinh trong năm/kỳ	(11.787.331.319)	(7.531.266.110)
Cổ tức được chia trong năm/kỳ	(24.492.797.460)	(33.093.092.000)
Các khoản trích quy và điều chỉnh khác trong năm/kỳ	(5.986.911.944)	(6.822.027.048)
Đầu tư vào các công ty liên kết (*)	693.143.806.812	735.410.847.535

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (công ty liên kết của Tổng Công ty) được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất với giá trị là 279.094.330.000 VND. Theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật. Ngày 24 tháng 10 năm 2018, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã gửi văn bản trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc triển khai phương án phá sản Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí. Ngày 10 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã gửi Công văn số 211/DVN-TCKT cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để đề xuất được xác định lại khoản đầu tư này về mức không đồng (0 VND) khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa và trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản dự án, nếu có phát sinh thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, Tổng Công ty sẽ nộp toàn bộ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Vấn đề này đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xin ý kiến xử lý của Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại Công văn số 3540/DKVN-HĐTV ngày 01 tháng 7 năm 2019 về sắp xếp lại, xử lý nhà đất và khó khăn vướng mắc trong quyết toán cổ phần hóa PVOIL. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các cơ quan có thẩm quyền về việc triển khai phương án phá sản Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	5.628.670.349.205	5.746.253.736.022
Tổng công nợ	4.061.210.086.112	3.954.547.525.768
Tài sản thuần	1.567.460.263.093	1.791.706.180.254
Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết	693.143.806.812	735.410.847.535
	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 VND	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Doanh thu	10.088.110.367.481	5.080.590.460.804
Lỗ thuần	(98.938.796.983)	(47.506.077.300)
Phần lỗ thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết	(11.787.331.319)	(7.531.266.110)

b. Góp vốn liên doanh

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên doanh	34.105.583.474	34.237.590.080
Phần lãi/(lỗ) phát sinh trong năm/kỳ	(2.389.989.491)	(167.281.872)
Các khoản trích quỹ và điều chỉnh khác trong năm/kỳ	530.178.751	35.275.266
	32.245.772.734	34.105.583.474

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên doanh của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	2.028.145.207.055	1.901.809.438.624
Tổng công nợ	2.616.784.506.477	2.321.267.845.414
Tài sản thuần	(588.639.299.422)	(419.458.406.790)
Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh	32.245.772.734	34.105.583.474
	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 VND	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Doanh thu	1.092.824.061.459	668.455.616.280
Lỗ thuần	(183.951.945.708)	(101.723.325.721)
Phần lãi thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh	(2.389.989.491)	(167.281.872)

19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	15.126.357.240	15.126.357.240
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	7.263.016.037	7.263.016.037
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	9.753.141.763	9.753.141.763
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	10.549.395.047	10.549.395.047
Công ty Cổ phần Âu Lạc	26.482.144.914	26.482.144.914
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	4.736.610.000	4.736.610.000
Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	5.728.738.529	3.746.768.529
	86.639.403.530	84.657.433.530
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(25.788.677.550)	(19.354.863.684)
	60.850.725.980	65.302.569.846

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chưa thu thập được thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	223.644.147.290
Số dư cuối năm	223.644.147.290
HAO MÒN	
Số dư đầu năm nay	170.772.427.548
Khấu hao trong năm	22.598.689.967
Số dư cuối năm	193.371.117.515
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	52.871.719.742
Số dư cuối năm	30.273.029.775

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.588.023.774.134	1.588.023.774.134	1.038.590.788.501	1.038.590.788.501
Lukoil Asia Pacific Pte Ltd	1.185.368.282.812	1.185.368.282.812	-	-
Chi nhánh Phân Phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn DKVN	264.422.777.967	264.422.777.967	511.699.279.700	511.699.279.700
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	557.007.220.283	557.007.220.283	335.881.732.082	335.881.732.082
Conocophillips (UK) Cuu Long Limited	212.487.776.936	212.487.776.936	-	-
Horizon Petroleum Limited	150.788.068.145	150.788.068.145	-	-
Korea National Oil Corporation	130.234.444.011	130.234.444.011	-	-
BP Singapore Pte Ltd	109.747.671.226	109.747.671.226	383.677.424.726	383.677.424.726
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	86.152.976.362	86.152.976.362	45.712.576.361	45.712.576.361
SK Innovation Co., Ltd	82.253.332.925	82.253.332.925	-	-
Elico Oil PTE Ltd.,	79.228.404.715	79.228.404.715	-	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)	42.924.953.352	42.924.953.352	21.892.319.931	21.892.319.931
Brunei Shell Petroleum Company Sendirian Berhad	-	-	409.990.519.431	409.990.519.431
Bien Dong POC Block 05-3	-	-	130.464.670.698	130.464.670.698
Bien Dong POC Block 05-2	-	-	79.715.182.230	79.715.182.230
Gazprom EP International B.V	-	-	70.277.284.347	70.277.284.347
KC and A Corporation	-	-	31.467.645.000	31.467.645.000
Các đối tượng khác	407.543.502.452	407.543.502.452	488.616.601.106	488.616.601.106
	4.896.183.185.320	4.896.183.185.320	3.547.986.024.113	3.547.986.024.113
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 43)</i>	2.555.635.610.787	2.555.635.610.787	1.978.609.476.985	1.978.609.476.985

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí mua hàng trích trước	3.068.935.018	-
Chi phí đầu tư XD CB trích trước	-	6.975.921.842
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, chi phí kinh doanh	351.086.503	109.762.024
Chi phí lãi vay	7.805.906.373	10.891.195.008
Các khoản chi phí phải trả khác	49.114.553.348	18.781.041.385
	60.340.481.242	36.757.920.259
<i>Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 43)</i>	4.983.191.388	8.525.917.410

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất khẩu ủy thác	4.581.479.558.410	3.887.670.664.213
Thu hộ, trả hộ tiền dầu nhập khẩu ủy thác	27.625.828.245	1.566.149.207.186
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ	877.311.893	1.065.007.086
Phải trả về cổ phần hóa (i)	55.714.640.797	622.531.331.881
Lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (ii)	76.414.731.902	540.301.917.104
Phải trả tiền thu từ bán cổ phần (iii)	6.508.956.732	6.508.956.732
Phải trả, phải nộp khác	83.519.496.530	72.450.011.001
	4.832.140.524.509	6.696.677.095.203
<i>Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 43)</i>	2.699.082.966.782	2.652.898.155.843

- (i) Phản ánh khoản phải trả về cổ phần hóa sau khi ghi nhận đủ số vốn điều lệ của Tổng Công ty sau cổ phần hóa là 10.342.295.000.000 VND theo Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền. Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển 552.482.000.000 VND về Quỹ hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ và Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính.
- (ii) Phản ánh khoản lợi nhuận sau thuế phải nộp theo Quyết định số 7135/QĐ-CT ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển 463.887.185.202 VND về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- (iii) Phản ánh số tiền Tổng Công ty thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và phải trả cho chủ sở hữu số tiền thu từ việc chào bán cổ phần này. Khoản tiền thu về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.474.442.139.083	2.474.442.139.083	21.723.818.655.308	19.546.283.682.283	4.651.977.112.108	4.651.977.112.108
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 27)	86.606.891.472	86.606.891.472	82.961.815.722	111.110.540.431	58.458.166.763	58.458.166.763
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 27)	95.763.380	95.763.380	21.038.221	116.801.601	-	-
	2.561.144.793.935	2.561.144.793.935	21.806.801.509.251	19.657.511.024.315	4.710.435.278.871	4.710.435.278.871

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng và các cá nhân để bổ sung vốn lưu động của Tổng Công ty và các Công ty con. Các khoản vay từ các ngân hàng có thể rút bằng Đồng Việt Nam, KIP Lào hoặc Đô la Mỹ theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Các khoản vay từ các ngân hàng chịu lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, dao động từ

2,2% đến 4%/năm (từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 2,3% đến 6,5%/năm) đối với Đô la Mỹ và dao động từ 4,9% đến 8%/năm (từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 4,05% đến 9,5%/năm) đối với Đồng Việt Nam và 8%/năm (từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 8% đến 9%/năm) đối với đồng KIP Lào. Các khoản vay có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 668.774.479.504 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 497.425.221.745 VND) được đảm bảo tương ứng bằng tài sản cố định, các khoản vay còn lại được tín chấp.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay bằng VND	3.307.913.618.350	2.280.764.471.227
Vay bằng LAK	213.846.415.538	100.572.345.547
Vay bằng USD	1.130.217.078.220	93.105.322.309
	4.651.977.112.108	2.474.442.139.083

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay tín chấp	3.983.202.632.604	1.977.016.917.338
Vay có tài sản đảm bảo của Tổng Công ty	668.774.479.504	497.425.221.745
	4.651.977.112.108	2.474.442.139.083

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất cố định và thả nổi. Các khoản vay ngắn hạn được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay theo lãi suất thả nổi	4.409.126.435.570	-
Vay theo lãi suất cố định	242.850.676.538	2.474.442.139.083
	4.651.977.112.108	2.474.442.139.083

25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ dự phòng rủi ro và bồi thường thiệt hại môi trường (i)	24.828.661.802	20.629.850.510
Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	-	5.591.800.000
	24.828.661.802	26.221.650.510

- (i) Ngày 20 tháng 6 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 86/2016/TT-BTC (“Thông tư 86”) hướng dẫn một số nội dung về quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật bảo vệ môi trường. Tổng Công ty đã áp dụng

thông tư này và trích lập quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 24.828.661.802 VND.

26. QUỸ BÌNH ỔN GIÁ XĂNG DẦU

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Số dư đầu năm/kỳ	37.639.803.610	203.643.301.652
Trích quỹ trong năm/kỳ	825.165.811.700	271.298.208.600
Lãi phát sinh	38.005.834	299.682.932
Sử dụng quỹ trong năm/kỳ	(1.061.358.514.025)	(437.601.389.574)
Lãi tính trên số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu âm	(63.526.254)	-
Số dư cuối năm/kỳ	(198.578.419.135)	37.639.803.610
<i>Trong đó:</i>		
Số dư đã chuyển tiền gửi ngân hàng	-	10.626
Số dư tài khoản Quỹ Bình ổn chưa được kết chuyển	(198.578.419.135)	37.639.803.610

Việc trích lập và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu được thực hiện theo các quy định của Bộ Tài chính tại các thời điểm khác nhau (như trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3 - Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, mục “Quỹ bình ổn giá xăng dầu”). Trong năm, Tổng Công ty thực hiện trích lập và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu theo các quy định hiện hành. Phần chênh lệch trích và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu phát sinh sẽ được thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính trong thời gian tiếp theo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty không kết chuyển số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu sang tài khoản tiền gửi ngân hàng do số dư quỹ đang bị âm (Thuyết minh số 4).

27. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản vay dài hạn (i)	275.931.158.893	275.931.158.893	170.235.081.735	194.072.356.153	252.093.884.475	252.093.884.475
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 24)	86.606.891.472	86.606.891.472	82.961.815.722	111.110.540.431	58.458.166.763	58.458.166.763
Số phải trả sau 12 tháng	189.324.267.421	189.324.267.421	87.273.266.013	82.961.815.722	193.635.717.712	193.635.717.712
b. Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	116.801.601	116.801.601	21.038.221	137.839.822	-	-
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 24)	95.763.380	95.763.380	21.038.221	116.801.601	-	-
Số phải trả sau 12 tháng	21.038.221	21.038.221	-	21.038.221	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	189.345.305.642	189.345.305.642			193.635.717.712	193.635.717.712
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 24)	86.702.654.852	86.702.654.852			58.458.166.763	58.458.166.763
	276.047.960.494	276.047.960.494	170.256.119.956	194.210.195.975	252.093.884.475	252.093.884.475

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

- (i) Các khoản vay dài hạn cho mục đích tài trợ các dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu tại Tổng Công ty và các Công ty con. Các khoản vay dài hạn tại Tổng Công ty thể hiện tổng số tiền vay với hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng thương mại là 259.621.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 604.064.098.225 đồng). Các khoản vay này được bảo đảm bằng Khu bồn chứa xăng dầu Phú Thọ và toàn bộ tài sản thuộc Dự án “Kho xăng dầu Nghi Sơn” và chịu lãi suất hàng năm bằng 7,5%/năm cho các khoản vay đang trong thời gian ưu đãi và bằng lãi suất tiết kiệm bình quân 12 tháng cộng lãi suất biên từ 2,2%/năm đến 2,4%/năm đối với các khoản vay còn lại. Các khoản vay này dùng để tài trợ cho các Dự án “Mở rộng Kho Nhà Bè - Giai đoạn 3”, Dự án xây dựng Kho Phú Thọ và Dự án Kho xăng dầu Nghi Sơn. Các khoản vay dài hạn tại các Công ty con chịu lãi suất từ 7,5% đến 11,5%/năm (từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 7,5% đến 10,2%/năm) đối với các khoản vay bằng Đồng Việt Nam. Các khoản vay này được bảo đảm bằng: (i) tài sản hình thành từ dự án tổng kho Vũng Áng và các tài sản cố định khác; (ii) tài sản hình thành từ dự án Kho trung chuyển tại Nam Định; (iii) tài sản của cửa hàng xăng dầu Thanh Quang; (iv) quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất Bình Thuận, (v) quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất và (vi) các tài sản cố định khác.

- (ii) Khoản nợ thuê tài chính dài hạn bao gồm khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010220412002 ngày 03 tháng 12 năm 2014 tại Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Thời hạn thanh toán là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất 10% được áp dụng từ ngày nhận nợ đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2015. Từ ngày 01 tháng 5 năm 2015, lãi suất cho thuê được điều chỉnh theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 13 tháng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cộng phí cố định 4,5%/năm.

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ thuê tài chính bằng VND	252.093.884.475	276.047.960.494
	252.093.884.475	276.047.960.494

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay tín chấp	34.822.000.000	116.801.600
Vay có tài sản đảm bảo của Tổng Công ty	217.271.884.475	275.931.158.894
	252.093.884.475	276.047.960.494

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi. Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ thuê tài chính theo lãi suất thả nổi	169.485.628.205	276.047.960.494
Vay và nợ thuê tài chính theo lãi suất cố định	82.608.256.270	-
	252.093.884.475	276.047.960.494

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	58.458.166.763	86.606.891.472
Trong năm thứ hai	69.205.119.327	68.590.214.997
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	95.261.241.505	79.507.876.818
Sau năm năm	29.169.356.880	41.226.175.606
	252.093.884.475	275.931.158.893
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay dài hạn đến hạn trả - Thuyết minh số 24)	58.458.166.763	86.606.891.472
Số phải trả sau 12 tháng	193.635.717.712	189.324.267.421

28. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc niên độ kế toán và thu nhập/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	104.577.609.103	103.802.913.911
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	104.577.609.103	103.802.913.911
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong năm/kỳ	774.695.192	53.729.639.803

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (i)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lỗi lũy kế	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động 5 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018										
Số dư tại ngày 01 tháng 8 năm 2018	10.342.295.000.000	(167.017.350.614)	188.629.193.551	(4.622.554.985)	11.918.354.753	(913.391.633.792)	5.959.092.576	7.587.978.678	1.176.882.546.841	10.648.240.627.008
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	17.478.430.229	-	-	-	17.478.430.229
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	4.579.225.922	-	-	(7.804.678.397)	-	-	(868.165.595)	(4.093.618.070)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	16.196.734.372	-	-	(16.196.734.372)	-
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát	-	-	(1.396.780.103)	-	353.636.647	2.264.945.698	-	-	-	1.221.802.242
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	(1.422.065.942)	-	-	-	(353.636.647)	(1.775.702.589)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(26.481.457)	(26.481.457)
Khác	-	-	(1.112.341.971)	121.284	(863.425.803)	3.588.353.132	-	-	(6.707.628.500)	(5.094.921.858)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	10.342.295.000.000	(167.017.350.614)	190.699.297.399	(4.622.433.701)	9.986.499.655	(881.667.848.758)	5.959.092.576	7.587.978.678	1.152.729.900.270	10.655.950.135.505
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019										
Số dư đầu năm	10.342.295.000.000	(167.017.350.614)	190.699.297.399	(4.622.433.701)	9.986.499.655	(881.667.848.758)	5.959.092.576	7.587.978.678	1.152.729.900.270	10.655.950.135.505
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	347.022.157.051	-	-	-	347.022.157.051
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	20.274.025.376	-	-	(85.173.682.759)	-	-	(18.559.339.829)	(83.458.997.212)
Phân loại lại giữa các quỹ	-	-	-	(5.609.238.340)	-	9.370.820.151	-	(9.370.820.151)	5.609.238.340	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(116.502.668.629)	-	-	116.502.668.629	-
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát	-	-	(7.873.646.352)	-	8.730.919.418	26.432.986.181	-	-	-	27.290.259.247
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	(10.112.930.262)	-	-	-	(8.730.919.418)	(18.843.849.680)
Tăng vốn bằng cổ tức	-	-	-	-	-	(17.983.718.799)	-	-	-	(17.983.718.799)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(26.062.115.668)	(26.062.115.668)
Khác	-	-	(12.640.781)	(121.284)	-	(14.582.103.597)	-	-	3.014.791.318	(11.580.074.344)
Số dư cuối năm	10.342.295.000.000	(167.017.350.614)	203.087.035.642	(10.231.793.325)	8.604.488.811	(733.084.059.159)	5.959.092.576	(1.782.841.473)	1.224.504.223.642	10.872.333.796.100

- (i) Chênh lệch đánh giá lại tài sản thể hiện khoản điều chỉnh hợp nhất cho khoản chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết phát sinh từ việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với giá trị vốn chủ sở hữu tại các công ty nhận đầu tư.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.445.036	200.445.036
Cổ phiếu phổ thông	200.445.036	200.445.036
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.034.229.500	1.034.229.500
Cổ phiếu phổ thông	1.034.229.500	1.034.229.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Ngày 24 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã nộp Đơn đăng ký số 3788/DVN-KH đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc đăng ký giao dịch bổ sung 980.900 cổ phiếu bán cho người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa, ngày giao dịch chính thức là ngày 02 tháng 01 năm 2019. Số lượng cổ phiếu được đăng ký giao dịch bổ sung này bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian từ 03 đến 10 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 01 tháng 8 năm 2018, vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số lượng	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	832.803.564	80,52%	8.328.035.640.000
Các cổ đông khác	201.425.936	19,48%	2.014.259.360.000
	1.034.229.500	100%	10.342.295.000.000

30. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của chủ sở hữu	1.139.303.480.080	1.121.838.561.740
Thặng dư vốn cổ phần	14.241.701.532	14.241.580.248
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(3.489.235.506)	5.241.683.913
Quỹ đầu tư phát triển	123.456.691.695	115.570.404.562
Lỗi lũy kế	(50.463.894.902)	(105.617.810.934)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	1.455.480.743	1.455.480.741
	1.224.504.223.642	1.152.729.900.270

31. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
- Xăng Ron 95	Lít	7.346.694	8.619.875
- Xăng Ron 92	Lít	18.597.556	8.316.827
- Xăng E5	Lít	3.598.882	139.535
- Dầu DO 0,05%	Lít	80.673.010	86.621.801
- Dầu FO	Kg	561.861	1.432.277
- Jet A1	kg	2.130.513	14.395.591
- Xăng E100	Lít	183.689	-
2. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)	USD	13.869.622,49	15.233.933,95
- Đồng Euro (EUR)	EUR	302,94	322,05
- Đô la Singapore (SGD)	SGD	290.383,63	352,80
- KIP Lào (KIP)	KIP	18.747.698.995	16.900.867.708
- Bath Thái (THB)	THB	908.395,26	-

32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động của Tổng Công ty chủ yếu là hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô, xăng dầu.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động tại khu vực nội địa và nước ngoài.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Nội địa	42.210.589.100.151	17.747.895.844.876
Quốc tế	37.650.398.226.652	5.871.503.613.453
	79.860.987.326.803	23.619.399.458.329

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Nội địa	4.201.105.540.934	4.383.147.493.918	225.786.664.112	154.325.833.089
Quốc tế	103.662.485.272	122.449.451.512	1.888.723.087	1.984.419.090
	4.304.768.026.206	4.505.596.945.430	227.675.387.199	156.310.252.179

33. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2019</u> <u>đến ngày 31/12/2019</u>	<u>Từ ngày 01/8/2018</u> <u>đến ngày 31/12/2018</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.872.051.407.886	23.630.508.162.597
- Doanh thu bán hàng	79.504.909.515.219	23.435.216.449.594
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	241.564.058.836	140.454.799.147
- Doanh thu từ ủy thác xuất khẩu dầu thô	125.577.833.831	54.836.913.856
Các khoản giảm trừ doanh thu	(11.064.081.083)	(11.108.704.268)
- Chiết khấu thương mại	(11.064.081.083)	(11.108.704.268)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.860.987.326.803	23.619.399.458.329
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 43)</i>	<i>12.185.009.648.872</i>	<i>908.206.311.783</i>

34. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ ngày 01/01/2019</u> <u>đến ngày 31/12/2019</u>	<u>Từ ngày 01/8/2018</u> <u>đến ngày 31/12/2018</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	76.925.652.978.809	22.488.146.075.624
Giá vốn dịch vụ cung cấp	163.632.411.359	67.450.188.513
	77.089.285.390.168	22.555.596.264.137

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ ngày 01/01/2019</u> <u>đến ngày 31/12/2019</u>	<u>Từ ngày 01/8/2018</u> <u>đến ngày 31/12/2018</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.770.627.836.647	3.182.508.263.853
Chi phí nhân công	893.134.700.464	384.291.438.085
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	385.038.799.909	165.053.590.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	724.106.778.985	259.344.143.066
Chi phí khác bằng tiền	545.513.927.186	241.060.011.154
	9.318.422.043.191	4.232.257.446.714

36. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2019</u> <u>đến ngày 31/12/2019</u>	<u>Từ ngày 01/8/2018</u> <u>đến ngày 31/12/2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	343.244.532.677	120.757.441.174
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.918.857.217	6.348.206.364
Cổ tức được chia	3.158.855.300	358.525.600
Lãi bán hàng trả chậm	1.803.874.989	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1.838.103.201
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.891.149.791	3.596.722.254
	372.017.269.974	132.898.998.593

37. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	195.607.788.484	64.813.309.421
Lỗi chênh lệch tỷ giá	31.693.633.600	8.338.599.057
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	6.322.827.562	12.801.622.308
Chi phí tài chính khác	32.888.817.562	2.049.967.408
	266.513.067.208	88.003.498.194

38. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	1.690.369.592.224	668.164.803.523
Chi phí nhân viên bán hàng	610.870.433.618	253.996.614.848
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	76.868.024.796	38.911.443.667
Chi phí vận chuyển	136.805.735.951	47.880.524.927
Chi phí dịch vụ mua ngoài	278.792.037.413	155.686.494.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	277.657.100.152	102.666.192.482
Các khoản dự phòng	3.633.511.984	3.470.297.809
Các khoản chi phí bán hàng khác	305.742.748.310	65.553.235.347
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	808.179.239.425	374.203.582.755
Chi phí nhân viên quản lý	312.349.456.349	134.739.993.321
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	48.543.287.839	18.737.220.589
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.769.852.688	23.228.368.504
Các khoản dự phòng	25.902.192.953	80.000.800.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	122.529.543.722	46.490.169.043
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	253.084.905.874	71.007.030.722
	2.498.548.831.649	1.042.368.386.278

39. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Thu nhập khác	61.056.282.875	27.553.541.732
Thu từ thanh lý tài sản cố định	7.557.374.202	6.999.821.730
Tiền bồi thường nhận được	3.376.418.952	1.588.701.599
Thu từ thuế được hoàn	18.672.231	-
Vận chuyển nhân sự các lô dầu	25.168.170.047	1.739.501.263
Các khoản thu nhập khác	24.935.647.443	17.225.517.140
Chi phí khác	13.244.159.559	2.918.644.239
Chi phí vận chuyển nhân sự các lô dầu	2.256.055.019	-
Các khoản tiền phạt	723.148.083	757.535.965
Các khoản chi phí khác	10.264.956.457	2.161.108.274
Lợi nhuận khác	47.812.123.316	24.634.897.493

40. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm/kỳ hiện hành	64.495.258.015	12.058.587.792
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay/kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	64.495.258.015	12.058.587.792

41. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Lợi nhuận từ thời điểm cổ phần hóa đến ngày kết thúc năm/kỳ hoạt động phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	230.519.488.422	33.675.164.601
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	230.519.488.422	33.675.164.601
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm/kỳ (cổ phiếu)	1.034.229.500	1.034.229.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	223	33

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính cho giai đoạn từ khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

42. CAM KẾT VỐN

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 được phê duyệt ngày 10 tháng 01 năm 2020, Tổng Công ty đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt giá trị đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản trong năm 2020 với số tiền là 111,2 tỷ VND.

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và sổ dư trọng yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Các công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Các công ty liên kết	Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Bán hàng	12.185.009.648.872	908.206.311.783
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	9.854.163.178.661	56.850.528.198
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (Comeco)	1.050.827.825.417	545.889.203.588
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	502.013.278.143	21.205.565.064
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVTrans_Pacific)	214.703.176.200	133.607.385.009
Công ty điều hành dầu khí Biển Đông	126.109.915.812	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPowerNT2)	121.567.055.825	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	71.088.230.942	35.726.339.555
Liên doanh Việt - Nga (Vietsovpetro)	70.405.163.592	35.850.296.054
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam (PVGas_S)	66.271.312.095	33.366.545.454
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	37.676.244.983	13.497.775.070
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	34.235.606.871	17.809.921.555
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	11.700.508.944	2.159.432.059
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVFCCo)	3.929.798.468	2.055.091.200
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)	3.767.994.695	3.078.091.012
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt (PVTrans_Oil)	2.410.470.925	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc (PVGas_N)	2.410.185.249	-
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC_MS)	2.372.969.819	1.979.643.815
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	1.765.838.708	501.308.791
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	83.368.076	17.017.196
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	5.960.000	4.080.000
Các đối tượng khác	7.501.565.447	4.608.088.163

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Mua hàng	24.553.383.768.168	9.041.520.819.459
Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	14.110.510.235.241	6.325.227.870.322
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn	9.433.534.291.108	2.399.973.562.336
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	546.912.128.655	101.794.680.929
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	373.850.092.904	153.340.570.223
Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN)	52.966.345.065	38.743.726.598
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	7.870.470.910	13.229.403.105
Công ty CP Giám định năng lượng Việt Nam	14.584.959.971	5.099.384.502
Liên doanh Việt - Nga (Vietsovpetro)	6.929.089.554	3.072.269.788
Các đối tượng khác	6.226.154.760	1.039.351.656

Tiền lương, phụ cấp và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm Tổng Giám đốc; tiền lương của Ban Kiểm soát, của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND	VND
Tiền lương, phụ cấp và thù lao của Hội đồng Quản trị (bao gồm Tổng Giám đốc)	5.918.493.818	2.596.855.556
Tiền lương của Ban Kiểm soát	2.419.861.165	1.063.427.778
Tiền lương của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	6.070.645.017	2.734.606.944

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.401.360.096.973	249.324.829.352
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	1.210.761.651.103	43.340.558.094
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	39.167.619.412	1.957.515.750
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	42.634.776.646	43.834.776.646
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	42.853.380.032	35.580.204.734
Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro	25.233.350.570	26.457.196.883
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	14.323.881.986	12.813.016.813
Công ty CP Vận tải sản phẩm khí quốc tế (Gas_Shipping)	7.556.567.980	2.556.556.320
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	2.355.370.518	1.021.175.738
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	3.016.694.230	6.008.565.464
Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC_MS)	2.921.118.500	2.472.859.100
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	2.457.430.815	3.343.206.255
Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	2.380.576.830	1.042.951.070
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	2.160.324.960	2.160.324.960
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất (DQR)	1.362.230.984	1.362.230.984
Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVTrans_Pacific)	-	50.737.887.380
Công ty CP Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	-	6.385.943.383
Các đơn vị khác	2.175.122.407	8.249.859.778
Phải thu khác	3.992.352.047.374	4.310.119.430.818
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	3.685.336.844.366	3.977.458.912.957
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	217.299.697.501	217.299.697.501
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim	36.813.665.551	41.852.158.789
Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro	49.153.708.948	71.928.777.221
Các đối tượng khác	3.748.131.008	1.579.884.350

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn	2.555.635.610.787	1.978.609.476.985
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.588.023.774.134	1.038.590.788.501
Chi nhánh Phân Phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn DKVN	264.422.777.967	511.699.279.700
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	557.007.220.283	335.881.732.082
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	86.152.976.362	54.349.197.010
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)	42.924.953.352	21.892.319.931
Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC_MS)	5.955.483.985	6.050.948.957
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	5.414.895.656	5.414.895.656
Ban Quản lý Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	1.954.237.323	1.954.237.323
Các đối tượng khác	3.779.291.725	2.776.077.825
Phải trả khác	2.699.082.966.782	2.652.898.155.843
Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro	2.185.604.357.570	1.847.147.395.900
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	76.414.731.902	617.167.956.532
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	116.062.074.448	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	321.001.802.862	176.944.763.756
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	11.638.039.655
Vay dài hạn	16.561.020.492	18.926.880.562
Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	16.561.020.492	18.926.880.562
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.983.191.388	8.525.917.410
Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lọc dầu Nghi sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.068.935.018	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	608.245.559	608.245.559
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	-	6.975.921.842
Các đối tượng khác	1.306.010.811	941.750.009



Phùng Tô Vân
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Ninh
Kế toán trưởng



Cao Hoài Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2020